

Phụ-nữ Tân-văn

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM



Phân sơn tô diêm sơn-hà
 Làm cho rõ mặt đàn-bà nước Nam

OFFICE LEGAL
 4.900
 8-3-

TÒA-BÁO
 (RÉDACTION ADMINISTRATION)
 N° 48, Rue Vannier, N° 48
 SAIGON



Chụp hình, rọi hình lớn
có tiếng khéo nhất
giá lại rẻ
là :

PHOTO DAKAO

ở
ngang gare
xe điện Dakao
số 8, 10, 12 đường
Martin des Pallières, Saigon



Quý khách
đền Cán-thơ
xin ghé lại

TRUNG-CHÂU
LỮ-QUÁN

là nhà ngủ
liệt-sự nhất
miền Hậu-giang

CẤM TRÍCH LỤC CÁC BÀI VỞ ĐĂNG TRONG PHỤ-NỮ TÂN-VĂN MÀ IN LÀM SÁCH
(DROITS DE REPRODUCTION RÉSERVÉS).

PHỤ NỮ TÂN VĂN

Năm thứ tư, số 122 - 10 Mars 1932

Chủ-nhơn : Mme Nguyễn Đức Nhuận
Chủ-nhiệm : M. Nguyễn Đức Nhuận
Bảo-quản : 48, Rue Vannier Saigon
Số đây nói : 566, Saigon
Dây thép lắt : Phunutanvan Saigon

Giá báo - Một năm 6\$00 - Sáu tháng 3\$50 -
Ba tháng 1\$80 - Mua báo phải trả tiền trước, thư từ
và mandat xin gửi cho M. Nguyễn-Đức-Nhuận chủ-
nhiệm Phụ-nữ Tân-văn, 48, Rue Vannier Saigon.

YÊU MỤC

1. - Lòng ái quốc của Phụ-nữ - P. N. T. V.
2. - A. Kiến về Thời-sự - T. H.
3. - Bế-học không phải là việc chơi - PHAN KHUÔI.
4. - Mấy ngày đã mầu ở Thườn - Hải - A. H.
5. - Bê lãnh như n'at - A. H.
6. - Một lối thơ mới - P. K.
7. - Điều lệ của Đục-ant-hoi.

V. V.
NỮ CÔNG GIA-CHÁNH VĂN-UYÊN
TIỂU-THUYẾT VÀ PHẢN-KHÍ-ĐỒNG

LÒNG ÁI QUỐC CỦA PHỤ NỮ

Đàn-bà ở xứ nào cũng vậy, đời nay còn kha-khá, chờ đời xưa thì quyền-lợi của họ vẫn đều thua kém đàn-ông. Ấy thế mà nói đến chuyện ái-quốc thì, theo lịch-sử, nước nào cũng có người đàn-bà ái-quốc, còn để danh thơm lại ngàn thu. Thế thì tẻ ra đàn-bà không đợi có hưởng quyền-lợi cũng làm hết nghĩa-vụ, chẳng là đã tỏ ra một cái thái-độ cao thượng lắm? Thật thế, đó là nhờ cái lòng đạo-đức của loài người nhiều khi nó ngồi lên trên quyền-lợi!

Kể đến đàn-bà ái-quốc thì xưa nay đông tây không có, ở đâu hằng người đàn-bà Sparte (hay là Sparta) hết. Sparte, lúc người Tàu dịch ra chữ như mà ta đọc là Tu-ba-dat, là một thành lớn và danh tiếng của Grec đời xưa. Người thành Sparte có cái tinh-thần thượng-vô, cả quốc-dân nam nữ đều chịu một thứ giáo-đức rất nghiêm, lấy quốc-gia làm tông-giáo, coi chiến-đấu là nghề-nghiệp.



Madame NOGAI

thì chỉ bằng lo mà đạo-thải trước, đừng cho cái giồng hèn-yếu còn có ở đời là hơn.

Vâng theo cái luật ta cho là nhân-tâm hai-lý ấy, người đàn-bà Sparte để đưa con nào ra, cái đầu mềm lun hay cái xương sống yếu-óp thì họ cũng

đàn-ông đã vậy mà đàn-bà còn hăng-hải hơn nữa.

Theo như sử truyện chép để lại thì đàn-bà Sparte có nhiều cái đặc-sắc lạ lắm, không đàn-bà nước nào có.

Họ đẻ con ra, không coi là con mình, mà coi là con của quốc-gia. Theo luật của thành ấy, hề con nít mới đẻ ra mà coi bỏ ốm-yếu, về sau không thể đi lính đánh tran được, thì không để cho sống. Họ làm như vậy, chẳng những họ không cho là sự bạo-ngược tàn-nhân, mà họ trở lại cho là một việc khôn-ngon: vì hề con người nào yếu, thì về sau cũng không khỏi bị đạo-thải, thế

dan tay mà bóp mũi nó đi, không thêm ư chút nước mắt.

Có sách chép rằng trong một cơn chiến-tranh kia, một người dân-bà Sparte có năm đứa con trai ra trận mà đều xuống nhằm tên dan chết hết. Khi người ấy nghe tin, chẳng khóc thì chớ, lại còn chạy đến miếu thờ Thần-minh mà ca-hát, nhảy-nhót, tỏ đang đắc-y nữa kia!

Mỗi khi dân-bà Sparte đưa chồng hoặc con ra trận, họ không có bin-rin như dân-bà ở các nơi khác đâu. Họ lại cầm tay mà chúc rằng: « Cầu cho đánh giặc mà chết! »

Nói đến chuyện dân-bà Sparte thương nước thì có nhiều chuyện nghe mà phải lạnh mình, bởi vì nó trái với cái thường-tình người ta quá. Cho hay cái chủ-nghĩa quốc-gia nhồi trong sọ người ta thái-quá thì cũng làm cho người ta như điên như dại, chớ chẳng phải chơi đâu.



Trong bài này, chúng tôi cốt muốn nói chuyện một cô ở Nhựt-bồn vừa rồi tự-tử để cho chồng yên tâm theo đường binh-cách, mà phải nói qua mấy lời về dân-bà Sparte trên đó.

Ấy là theo tin ban đồng-nghiệp Đuốc-nhà-Nam đã dịch từ báo Tây ra, nói cô ấy tên là Nogai, con gái nhà thường-dân, mới 20 tuổi. Cô kết-hôn cùng viên quan hai của đạo binh thứ 37, tên là Inoue, chưa bao lâu thì có cuộc xâm-lược Mãn-châu. Inoue phải tung-quân. Cô Nogai nghĩ rằng nếu mình còn sống thì chồng sẽ vì dãi tình nhi-nữ mà vẫn hơi anh-hung, bèn liều mình cắt cổ chết, hầu cho chồng đừng để ý tới mình nữa mà một lòng lo việc chính-chiến.

Có người khen cái chết của cô Nogai, cho là đồng-cảm, cho là hùng-tráng, cho là ái-quốc hết bực nhiệt-thành, nếu các quan binh và hết thấy linh đều tỏ lòng quyết-tuyệt như cô thì nước Nhựt sẽ mạnh đến đâu.

Người ta khen thì mặc họ, chớ theo chúng tôi thì không phục. Chúng tôi chẳng khi nào chịu cái chết như cái chết của cô Nogai đó.

Ái-quốc! Ai lại chẳng có lòng ái-quốc. Nhưng trước khi nói ái-quốc, chúng tôi phải hỏi đến cái mục-dịch thế nào.

Loài người đương lúc còn có chia ra nước nọ nước kia thì tự-nhiên mình ở nước nào phải lo giữ cho còn nước ấy. Cái giới-hạn của sự ái-quốc,

theo chúng tôi, chỉ được tới đó mà thôi. Làm quá cái giới-hạn ấy, là đã muốn đi xâm-lược nước người ta rồi, chúng tôi không biểu đồng-tình.

Vậy, phải chi trong đạo này có nước nào đến xâm-phạm nước Nhựt-bồn, chớ có Nogai phải vác súng ra giữ bờ-cõi cho nước, mà cô cắt cổ mình để dứt tình cùng chồng, thì cái chết của cô mới là có giá-trị, vì cô đã biết khuyên chồng lo mà giữ nước. Nhưng ta thử hỏi từ hôm tháng chín tây năm ngoài đến nay, chớ có Nogai đi làm việc gì, có phải là giữ nước không?

Không phải. Trong cuộc chiến-tranh này, người Nhựt quyết lòng đi xâm-chiếm nước người ta, chớ không phải giữ nước mình đâu. Chưa hề có ai chia súng vào ba hòn cù-lao ở biên đông, thì việc gì có Nogai lại tự-tử để giục cái già-tâm của chồng mình?

Chúng tôi cho chết như vậy là quá đáng. Loài người lẫn cướp nhau, ở không an-đôn, là vì cái chết ấy. Cái chết ấy đối với loài người là có tội.

Không ai cấm phụ-nữ ái quốc. Song phụ-nữ ái quốc cũng phải theo giới-hạn, chớ hề quá đi thì thành ra cứu-dịch của nhân-loại.

Nói tiếp lên đoạn trên kia. Bây giờ có ai thấy người Sparte còn có ở đâu không? Sao cái di-tích thành-quách của họ vẫn làm bạn với mặt trời chiếu, mà còn quốc-gia Sparte ở đâu, quốc-dân Sparte ở đâu, cho đến phụ-nữ Sparte ở đâu, người ta không thấy?

Đó, ái-quốc mà quá giới-hạn đi thì rồi cái kết-quả như vậy đó. Bởi chìm-dắm sa-mê trong con đường thượng-vô, dân-ông cho chỉ dân-bà Sparte cũng đều chỉ có một lòng làm cho quốc-gia mình cường-thanh lên mà không kể gì ai. Họ từng diệt thành Alhenes, từng xưng hùng xưng bá cả một trời Grec, mà rút cuộc lại, chỉ có cùng binh độc võ quá, thành ra cuối-cùng bị nhà tan nước mất.

Đó là cái gương!

Thế thì phụ-nữ ái quốc là sự không ai cấm. Nhưng mà ái-quốc vượt ra ngoài giới-hạn, lại trở làm cho quốc-gia tiêu-diệt, chớ có được gì!

Theo lý-thuyết ấy, chúng tôi không khen cô Nogai. Nhưng nếu ở nước Tàu ngày nay có người như cô Nogai thì khen được, vì người dân-bà nước ấy ở cái địa-vị khác.

P. N. T. V.



Ý KIẾN CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI THỜI SỰ

DÂN ỒNG LỤC LƯƠNG DAN-BÀ, COI SAO ĐƯỢC?

Hãng buôn lớn ở Saigon có một cái thời-quen, xem rất nên chú ý: ấy là dân-ông soát-lực trong lưng, trong túi do dân-bà khi hết giờ làm rồi, ra cửa đi về.

Chớ có nói, sao người ta làm được? Chúng tôi đã nói là thất-quen còn!... Bởi quen cho nên lâu có chớ có đi nữa cũng chớ là không chớ.

Họ nói người Annam — mà bất kỳ người nào, hề cùng tác vi phi, đã ra thân đi làm thuê làm mướn thì trong một trăm người cũng có một vài người thấy của để ở nhà, sanh bụng tham mà thò tay vào lấy. Cái sự không thiết tha ấy chẳng phải dân-bà mà thôi, dân-ông cũng có vậy thôi. Vì có ấy người ta mới bày ra cách lục-sốt để mà trừ cái tệ ăn cắp.

Hãng buôn cũng vậy, mỗi khi người làm công ra cửa, bắt kỳ ai, đều phải dừng lại nửa phút cho người ta nhìn.

Cái lệ riêng của các hãng buôn đặt ra đã lâu; và từ trước chúng tôi cũng có nghe rằng trong khi soát đó, hãng cắt hai người làm việc ấy: một người dân-ông soát dân-ông; một người dân-bà soát dân-bà.

Chuyện này nếu nói dài ra thì nó động tới cái vấn đề « dân-độc ».

Phải chi từ xưa đến nay, hãng nào cũng vậy, người làm công, giờ làm vào làm, giờ nghỉ-ra về, một món nào của hãng cũng không hề mất hết, thì thôi, có ai bày ra soát-lực làm chi? Soát-lực là tại có ăn cắp. Ăn cắp là tại người dân không có đức, không có tâm thật-thà, không có lòng tự-trọng.

Tại mình có ăn cắp cho nên người ta mới soát. Nếu không soát thì họ mất hết của đi còn chi? Mà trừ ngoài cách soát ra, cũng chẳng còn cách gì bảo hiểm cho khỏi mất của được. Như thế thì chúng tôi cũng chỉ phải dừng mà coi họ soát, chớ lấy lệ gì mà trích họ được ư?

Có đều chỗ này thì đáng nói. Là làm sao, sự chúng tôi thấy lại trái với đều chúng tôi nghe.

Gần ga xe-điện Calinat, lúc 11 giờ rưỡi, người làm công trong hãng nọ ra về, vừa-ư-2 chúng tôi lại gặp, dừng coi.

Nghe nói từ trước rằng một người dân-ông để soát dân-ông, một người dân-bà để soát dân-bà, mà đâu có! Chỉ có một người dân-ông là anh Chá đen thui mà thôi vậy.

Người làm công của hãng ấy đi ra, lại thấy dân-ông, mà thấy hầu hết là dân-bà; không mấy, độ chừng vài chục người là cùng. Mà lúc ra cửa, các cô gái trẻ kia, thấy có nơ cũng phải dừng lại cho người Chá ấy lục. Anh này ban đầu mắt hai túi áo, sau đắp vơi hai ống quần, rồi bảo họ đang tay lên, xếp lưng lại, cũng gần như sự soát trong khám lớn.

Thật khó coi! Coi kỹ quá, sao được?

Sự soát-lực như thế, đã là tỏ cái ý khinh-miệt người ta quá rồi, xem thường nhau-đao quá rồi, có đều không phép, nói sao thì cũng chịu vậy đi. Chớ đến như dân-ông mà soát dân-bà thì càng trái lẽ quá, ai mà không vói được?

Đã biết anh Chá ấy đầu là người hiền-lành, trung hậu, chứt-phác, chỉ soát mà thôi, chớ không có làm đến gì phạm đến người ta, song hề là người, lấy con mắt mà ngó vào đó thì ngó sao cho nữa?

Chúng tôi muốn những hãng nào dùng dân-ông soát dân-bà đó thì nên sửa lại, cắt một người dân-bà để soát dân-bà nếu chưa bỏ ngay được cái việc cực chẳng đã ấy.

Hai bên cũng đều nên lấy đó làm gương

Tay Đổng-sanh chìm, trong số báo này có nói ở mục Thời-sự. Ở đây chúng tôi xin có mấy lời chia buồn cùng những gia-đình có người bị nạn trước; rồi sau cùng xin bày tỏ đôi điều về sự cứu-thủ trong khi đi tàu đi xe của người mình, và mong rằng cái nạn ghê-gớm thình-lình ấy sẽ làm gương cho chúng ta khỏi bị nó nữa về sau.

Mỗi khi tàu chìm hay xe đổ, người ta thường nói lời tại bên này hoặc bên kia, nghĩa là bên chủ tàu, chủ xe, hoặc bên hành khách. Nhưng cứ sự thiệt mà nói thì bên nào cũng có lỗi cả. Chuyển này tàu Đồng-sanh chìm, hai bên đều nên lấy đó làm gương.

Việc này quan trên còn sẽ điều tra kỹ-càng nữa cho biết lỗi tại ai, bởi vậy chúng tôi không phán đoán vội, chỉ nhắc lại những điều đáng trách, có thể xảy ra tai-nạn trong khi đi tàu đi xe mà chúng tôi từng thấy, mong đồng-bang ta để ý cho.

Nói về bên chủ tàu chủ xe thì sự cầu-thủ ở nơi chỗ không theo luật. Có người hay ỷ tàu hoặc xe của mình là tốt, là bền-vững, chỗ mấy cũng không hề cũ, rồi thì chờ liều chờ lnh, bỏ luật mà không thêm kể. Nhiều lần chờ trái phép như vậy, nên họ bị phạt, đã dãn rồi, thì thế tất cũng có một lần vì đó làm hại cho hành-khách.

Đã vậy mà còn người cầm bánh cũng cầu thả nữa. Lúc khi tay lái chán bỏ phận-sự mình mà giao cho tay phụ: lại có khi thì như đùa như dờn, cho lái hoặc xe chạy thiệt mau để qua mặt đồng-bố mình. Thật họ coi mạng người như trò chơi.

Tàu Đồng-sanh bị nạn lần này, nghe nói cũng là tại chỗ quá phép: phép cho chỗ có 90 người mà chỗ quá trăm, lại thêm đến mấy lần hàng-số nữa; trong khi chìm đó tay lái chán đương ngủ mê, đến chừng nước tràn vào ướt cả mình mới hay, vậy tất dễ làm chi mà chẳng xảy ra tai nạn!

Bên hành-khách thì lại cũng cầu-thả quá như vậy. Có một điều thường thấy lắm, là khi đóng người đi trong một taxi một xe, người nào người nấy ngó mắt mèo nhau mà chẳng ai chịu trách-nhiệm hết, nghĩa là đều có thấy sự trái phép cũng chẳng ai nói. Chớ phải chỉ những người cùng đi một chuyến đó, thấy chỗ quá lệ thì một người xuống lên kháng-cự, rồi hết thấy họa theo, ép chủ tàu hoặc xe nếu không nghe đừng thêm đi nữa, như vậy làm sao mà sanh chuyện được?

Trên xe-hơi đó, nhiều lần thấy tay lái chán bỏ không cầm bánh, để cho tay phụ cầm mà lái. Ừ hay! Tập thì phải tập trong lúc khác, chớ sao lại dám phó-bao nhiều nhân-mạng vào tay một người sơ-học kia? Gặp những khi ấy, hành-khách có quyền buộc tay lái chán phải cầm bánh lấy; nếu không thì đừng thêm đi.

Cái quyền ấy do đâu mà có? Tại nhiều người không biết, chớ chính Nhà-nước đã ban quyền ấy cho nhân-dân mà. Bất-kỳ trên xe-hỏa, tàu thủy, xe-hơi-đó, xe điện cũng đều có một cuốn sổ, kêu là « Carnet d'observations », khi hành-khách có điều gì

trái-ý, nói mà người đương-sự không nghe, thì kêu lấy sổ ấy mà điền vào. Sau, sổ ấy nộp cho Nhà-nước, Nhà-nước sẽ cứ đó mà phán-xử.

Cái quyền ấy là cái quyền Nhà-nước trao cho ta để mà gìn-giữ lấy sanh-mạng mình, sao ta lại không biết dùng?

Người mình cũng thường có một sự nhẹ-tính nữa, nhiều khi vì nó mà không kể chết-sống. Như khi đi trong tàu thủy, nghe bên cạnh tàu này có cái gì lạ thì đổ-xó nhau chạy qua mà coi: hay là gặp lúc trời mưa tạt vào một phía thì ào nhau chạy hết cả qua một phía khác: những khi ấy thường làm cho tàu mất thăng-bằng mà chìm-lấp-tức đó, ngoài Bắc đã có nhiều lần chìm tàu chỉ vì cơ ấy. Điều này ta nên chú-ý lắm, ta nên nhìn coi và chịu ướt một chút, còn hơn là được ướt ỷ trong giáy-lát mà rú nhau nhè trong bụng cả mà chón.

Tàu Đồng-sanh chìm, thiệt mất bao nhiêu mạng, lại còn hao-lớn cho chủ nó là khác nữa, song việc đã rồi, biết nói làm sao! Duy có những tai-nạn giống như thế mà chưa xảy ra, nếu chúng ta biết phòng-ngừa, thì nên phòng ngừa trước.

TAP-TRỞ

SÁCH TÀU NÓI CHUYỆN MỊ-CHÂU

Chuyện Trọng-Thủy (con Triệu-Đà) lấy Mị-Châu, nhưn đó cướp nước nhà Thục, là chuyện truyền-văn, chưa chắc có. Bởi là truyền-văn, cho nên mỗi nơi nghe một thế; người Tàu nghe thế khác, cho nên họ lại chép khác.

Tây-viên-Thi-thoại, cuốn thứ 4, tờ thứ 25, phía sau (một tờ hai phía), có một đoạn như-vậy:

« Lòng con gái hướng ra ngoài (nữ tâm ngoại hướng), từ xưa đã vậy. Nam-việt từ xưa là nơi mọi ở (man động); hồi nhà Tần, họ mạnh lắm. Tục người Nam-việt rất giỏi nghề bán ná, mỗi khi bán cái tên bằng đồng ra, xâu suốt đến hơn mười người. Triệu-Đà cũng phải sợ.

« Man-vương (họ nói Man-vương, là vua Mọi, chớ không biết có An-dương-vương) có người con gái tên là Lan-Châu (không nói Mị-Châu), đẹp và có duyên, lại rất tinh nghề chế ra cái ná. Triệu-Đà bèn khiến con mình tên mỗ (không nói Trọng-Thủy) tới làm rể nhà đó. Chưa đầy ba năm, học được hết cả cái nghề làm ná và trừ ná nữa; khi ấy mới cử binh đánh Man-vương, bắt được người mà đem về. Chuyện này thấy trong sách Việt-kiến-chí.»

Việt-kiến-chí, chúng tôi chưa đọc tới, mà đã tra rồi, cũng không biết được là của ai làm ra. = C =

VIỆC BÈ BÁC NGƯỜI TA KHÔNG PHẢI LÀ VIỆC CHƠI

||| Lời trách ông Nguyễn-duy-Thanh và ông P. B. nào đó trong Trung-Lập

Người Tây đã đánh, mà người Tàu cũng vậy, từ xưa đến nay, trong đám sĩ-phu họ hay có một cái thói quen nhả lăm mà cũng có ích lắm, là viết thư đàm-đạo việc học với nhau; những bức thư ấy kêu bằng « bức thư luận học. »

Bạn đồng-học cùng nhau, hay là không đồng học, chỉ nghe tiếng nhau mà thôi, họ cũng viết thư cho nhau mà nghiên-cứu các vấn-đề thuộc về học-vấn. Hoặc về văn-chương, hoặc về triết-lý, hoặc về lịch-sử..... có những chỗ còn nghi-ngờ hay người này với kẻ kia không đồng ý, thì họ đem ra mà biện-luận cùng nhau, cật-nạn cùng nhau. Hai bên đều lấy cái trí-thức, cái ý-kiến của mình mà cọ với nhau, cọ thét rồi nó như sắt với đá cọ thét mà bật ra lửa, nghĩa là nảy ra được ít nhiều ánh-sáng của chơn-lý. Ở bên Tàu, cái thói quen ấy, giữa đám học-giã ngày nay thì lại càng thanh-hành lắm.

Việc viết thư luận học cùng nhau, ta muốn coi nó là một trò chơi giải-trí, như là đánh cờ tướng, vẽ sơn-thủy cũng được, nhưng nó lại còn có ý cao-thượng hơn những trò kia, cho nên nói rằng « nhả lăm. » Nhờ sự luận-biện cật-nạn trong khi viết thư qua lại mà rồi một hay nhiều cái nghi-đề được giải-quyết, chơn-lý được rõ ra, cho nên nói rằng « có ích lắm. »

Sự có ích ấy ai cũng thấy rồi; ở đây tôi lại chú ý ở một sự có ích khác, là nơi người ta hay bỏ qua đi. Trong sự viết thư luận-học ấy, tôi thấy ra là một cách rất hay, lập cho người ta luận-biện mọi sự.

Nhứt là trong khi mình tiếp được bức thư của người bạn, mình phải đọc cho thật kỹ, mình phải lẫm-hội hết thấy cái ý trong thư mà đừng hiểu lăm, rồi mình mới trả lời được. Trong khi trả lời, mình ưng-thuận lời của bạn thì mình cũng phải trưng dẫn lời bạn ra sao, vì cơ nào mà mình đồng ý; còn mình muốn phản-đối thì lại càng phải cật-thận lắm; lời bạn thế nào, ý bạn thế nào, mình phải thuật lại cho thiệt đúng rồi mới hạ lời mà công-kích được.

Thế thì tôi có thể nói rằng sự viết thư luận-học,

ngoài cái ích làm sáng chơn-lý ra, lại còn cái ích tập cho người ta nghị-luận nữa. Tôi sẽ đi đem việc ấy mà nói vào đây là cốt trọng ở chỗ đó.

Tôi lại cũng có thể nói: Ai muốn viết văn nghị-luận cho hay, muốn viết báo cho lành nghề, nhưt là muốn làm một tay tướng-tài về bút-chiến trong làng báo, thì từ trước nên lợi-dụng sự viết thư luận-học mà tập-rèn đi. Không khó gì hết, các bậc thanh-niên trong ngoài hai mươi tuổi, có chịu qua giáo-dục phổ-thông rồi, đều có thể làm được.

Vậy mà từ xưa đến nay tôi chưa hề thấy trong người Việt-nam chúng ta, có ai từng làm. Tôi đọc không được nhiều, chớ cũng được đôi chục cái văn-tập của các bậc tiền-bối, mà chưa từng thấy có một bức thư nào là bức thư luận học. Một chút đó, cũng đủ thấy cái tánh-chất của người mình khác nhau với người Tàu người Tây xa quá, vậy mà cũng ra bộ hơn-hơn, vô bụng mà chịu lấy cái tiếng khen là « dân ham học » hay sao?

Bởi dân-tộc mình là cái dân-tộc xưa nay chưa hề đem chuyện học ra mà bàn-luận, chưa hề viết thư luận học cho nhau, nên ngày nay bắt ra làm việc ấy thì phải ngờ-nghệt, thì phải trả cái trăm la, chẳng khác nào gái mới về nhà chồng! Thấy vậy mà tôi cảm lòng không đau, có mấy lời xin khuyên anh-chị-em hết thấy, nếu có muốn nghị-luận việc này việc khác thì nên tập-rèn trước đi, nên viết thư luận học cho nhau trước đi.

Gần đây có xảy ra hai việc làm cho tôi lấy làm lạ vô-cùng, vì nó không có thể xảy ra được mà cũng xảy ra. Và chững, cái việc bè-bác người ta, không phải là việc chơi, phải cật-thận cho lắm mới được. Khi muốn bè-bác người nào, cốt phải biết rõ cái sự chủ-trương của người ấy thế nào, và theo mình, cái sự chủ-trương ấy là không phải, như vậy thì mình mới dám bè-bác. Đã vậy mà lại còn phải nhờ chỗ này nữa: mình biết người ta quấy rồi, nhưng cái phải của mình, mình căn-cứ vào đâu; mình có căn-cứ vững-chắc, thì mới dám vịn lấy đó mà bè-bác người ta. Người nào ưa bè-bác, gặp chi bè-bác này, mà lại không làm theo

cái cách trên đó thì chỉ có coi việc bẻ-bác là việc chơi, mới cũ gan không sợ gì hết như vậy.

Tôi chẳng nói xa/nói gần gì hết. Cho được chỉ thiết ra hai việc đã nói móng đến trên đó, tôi phải đem ông Nguyễn-duy-Thanh cùng ông P. B. nào không biết, có bài trong báo *Trung-lập* ra đây mà nói chuyện và để lời thiết-trách hai ông.

Mục « Vai ngữ-sử trên đàn văn » của *Phụ-nữ Tân-văn* độ trước, ký tên C. D., ấy là tự tay tôi viết. Số 99, một đoạn nói về ba chữ « Sâu nhái tiếng » như vậy :

« Thấy tờ báo kia hay dùng chữ « Sâu nhái tiếng » mà dùng đi dùng lại nhiều lần lắm. Đôi khi có chua dưới ba chữ ấy, nói rằng bởi chữ « ứng thanh trùng » của Hán-văn mà ra.

« Sau nhái tiếng, cứ theo văn-ngữ cả câu trong khi họ dùng thì có ý vì với sự nói theo, sự nói phụ-họa với kẻ khác, cũng như con « sâu » này nghe con « sâu » kia kêu mà kêu theo. Nghĩa như vậy thì đúng, không có sai-lầm chi hết.

« Nhưng chúng tôi nói đây là nói về cách đặt chữ. Theo lẽ thì cách đặt chữ như vậy không trôi ; ba chữ « sâu nhái tiếng » không thành-lập được là một danh-từ (terme).

« Chữ « trùng » (虫) trong Hán-văn, theo tiếng Việt-nam thì chia làm hai : sâu và bọ. Sâu không cánh mà bọ có cánh. Vậy như sâu róm, sâu đo, sâu keo, sâu xanh... phàm kêu là sâu thì đều không cánh cả. Còn bọ hung, bọ chét, bọ vừng, bọ hong... phàm kêu là bọ thì đều có cánh cả.

« Mà bất-kỳ còn trùng nào, nó kêu (kỳ thiết không phải kêu) là nhờ ở cánh ; như con dế, con ve-ve... tuy ta không kêu nó là bọ, nhưng phải sắp nó về giống bọ, vì nó có cánh. Còn giống sâu, không có cánh thì không kêu ; không kêu thì có tiếng ở đâu ? Thật vậy, có ai hề nghe con sâu róm, con sâu đo, nó lên tiếng bao giờ !

« Vậy chữ « trùng » trong cái danh-từ « ứng thanh trùng » ấy, muốn nói ra tiếng ta thì phải nói là bọ, chứ không được nói là sâu, vì sâu không có tiếng....

« Chúng tôi biết dịch như vậy là sai, nhưng muốn sửa lại thì không sửa được. Thôi, ta bỏ ba chữ « Sâu nhái tiếng » đi mà đừng dùng nữa là hơn.

« Vả, sự dịch thành-ngữ, tục-ngữ ngoại-quốc cho nhập-lịch tiếng ta, là sự ích lợi nên làm. Có đều phải dịch cho hay mà đừng làm hại tiếng ta mới được. Chúng tôi muốn bỏ ba chữ ấy vì sợ dùng nó lâu thành quen, rồi nó sẽ phá cái luật

chia loài trùng ra sâu và bọ trong tiếng ta, kỳ lạ đều có hại đó vậy. »

Sự chủ-trương trong bài đó cho đến bây giờ tôi cũng vẫn còn nhìn là phải. Tuy rằng sau đó có người ký tên *Ngữ-dân* gửi bài phản-đối, bài ấy có đăng trong *Phụ-nữ* số 103, tôi cũng chẳng phục tình ; trừ ra một điều người ấy có nhắc lịch Dương-Miến đầu « bình ứng-thanh-trùng » là có ích cho tôi, vì trong khi viết bài kia, tôi quên lửng cái điển ấy. Không viết mà biện lại với *Ngữ-dân*, là bởi hồi đó tôi có từ-chức ở báo này hết một độ.

Nay hằng lui một bước, nhận cho lời phản-đối của *Ngữ-dân* có nhiều chỗ phải mà tôi cũng theo đi ; còn một chỗ sâu không tiếng, bọ có tiếng, không làm lộn-xộn được, là tôi cũng vẫn còn giữ chặt. Giữ chặt chỗ ấy, tôi chỉ có ý thận-trọng cho sự phân-loại (classification) của khoa-học trong tiếng ta sau này, chứ không phải là bởi tư-ý muốn cho mình được thắng. Thật thế, trong tiếng ta đã chia ra, không tiếng gọi là sâu, có tiếng gọi là bọ, nay trở nói sâu có tiếng, danh thiết trái nhau, có hại cho đường khoa-học về sau rất nhiều.

Bởi tôi phản-đối ba chữ « sâu nhái tiếng » chỉ có thể mà thôi, nguyên-văn của tôi đã có lục lại y như trên đó, vậy mà trong bài « Ý của tôi về tiếng Việt-nam » của ông Nguyễn-duy-Thanh (*Phụ-nữ* số 119) nói về việc ấy, đã nói sai đi tất cả. Một đoạn gần cuối bài của ông, nói như vậy :

« Cho đến mới rồi, có người dịch chữ « ứng thanh trùng » ra « sâu nhái tiếng », qua ngữ-sử ngài lại bẻ hành bẻ họ mãi, rồi nói rằng để chữ « ứng thanh trùng » hơn, chứ đem chữ « sâu nhái tiếng » vào thì xấu cái tiếng Annam đi. »

Ông còn nói chỉ chỉ nhiều nữa, nhưng mà thôi, hằng trích ra cái chỗ rất cốt-yếu là đoạn trên đó, rồi xin ai nấy đem mà giống thử với nguyên-văn cái bài « ngữ-sử đàn-văn » của tôi trên kia thử ra sao. Tôi có hề bảo để nguyên chữ « ứng thanh trùng » là hơn đâu mà ông Nguyễn-duy-Thanh vu cho tôi như vậy. Tôi có bảo bỏ ba chữ « Sâu nhái tiếng » đi, nhưng không phải bởi sợ xấu tiếng Annam đi như lời ông Thanh nói, mà chỉ bởi cố ý giữ vững cái sự rõ (précis) trong tiếng ta để tiện sự phân-loại trong khoa-học về sau đó thôi.

Thế thì ông Nguyễn-duy-Thanh căn-cứ vào đâu mà nói tôi (ngữ-sử là tôi) đã phò những lời ấy ? Ông đã bắt được tay đay được cánh ở hồi nào mà ông dám vu-oan giá-họa cho người ta ?

Cái cách nghị-luận hàm-hỗ như vậy người mình hay dùng luôn luôn. Tôi biết ông Thanh trong khi viết bài đó có ý lìm cho được nhiều chứng-cớ về

sự khinh tiếng Annam, tìm ở nơi ông Hồ-duy-Kiến, ông Bùi-quang-Chiếu, ông Bùi-huy-Đức, ông Phạm-Quỳnh, ông còn lấy làm không đủ, ông phải vớ tới « quan ngữ-sử » của *Phụ-nữ Tân-văn* nữa. Ông không kể sự thiệt ra sao, cốt chỉ muốn chứng nhiều ra cho rậm đám.

Trong sự học, người ta biện-luận cùng nhau, không ai dùng cách kỳ bao giờ. Duy có ở Trung-kỳ ngày nay, về sự kiện-cáo, chưa có chế-độ mới, còn theo lối cũ, thì có một bọn quan-sư thầy kiện, họ hay làm đơn khai cho bên nguyên bên bị đối-nại nhau, thì mới dùng cách kỳ mà thôi. Bọn ấy, họ không kể sự thiệt là gì cả, miễn cái gì có thể giúp được cho sự « giả mồm » của họ thì họ bỏ vào. Ông Nguyễn-duy-Thanh, học-sanh du-học ở Paris, « điện-máy chuyên nghề » là một nhà khoa-học mai sau đó, cái đức của nhà khoa-học là gì, ông nên biết mà giữ lấy, há lại nên đi bắt-chước cái thói quan-sư thầy-kiện ấy sao ? Phải ai mà dùng cách kỳ thì cái lỗi còn nhẹ ; một nhà khoa-học như ông Nguyễn-duy-Thanh, thì không có thể dung-thứ được, mà tôi tưởng, hôm nay ông biết ra, ông cũng không có thể tự dung-thứ cho mình.

Hôm gần Tết, lời ngồi tại Tòa-soan *Phụ-nữ Tân-văn*, bỗng nghe có người kêu tôi trong máy nói. Tiếng một người quen, hỏi tôi về một bài thơ chữ nho mà người ấy không biết xuất-xứ ở đâu. Cứ như tôi biết thì bài thơ người ấy đọc có sai mấy chữ, tôi bèn đính-chính lại, và chỉ ra xuất-xứ trong sách « *Tây-viên-Thi-thoai*. »

Ít hôm sau, số Tết của *Đức-Nhà-Nam* ra, tề ra bài thơ ấy được đăng lên, có dịch ra Quốc-âm nữa; người viết ký tên *Bích-vân* cũng có nói rằng lấy ra từ *Tây-viên Thi-thoai*, theo như lời tôi.

Ra ngoài Tết, vào ngày thứ bảy, 13 Février, *Trung-lập* lại ra một số đặc-biệt nữa, trong có một bài, đề là « *Chứa lại một bài thơ* », ở dưới ký tên P. B., nguyên-văn như vậy :

« Số báo đặc-biệt *Đức-Nhà-Nam* trong thư tâm có bài của *Bích-vân tiên-sanh* nói về thi thoai Tàu Tây, có dẫn chuyện một ông thầy chùa ăn trứng gà, phạm nhảm giới-cấm, bị quan bắt được, làm cung trạng bằng bài thi từ tuyệt như vậy :

« Hồn độn can khôn như khẩu bao,
« Đã vô bì huyết đã vô mao.
« Lão tăng đời nhĩ Tây-phương khứ,
« Miền tại nhơn gian thọ nhưt đao.

Dịch nôm :

« Hồn độn can khôn có một bao,
« Thịt da nào đã có gì đao.

« Lão tăng đưa nó về Tây-trục,
« Cho khỏi mai sau chịu một đao.
« Soan-giã nói rằng nhờ trong tập *Tây-viên Thi-thoai* của Tàu.

« Tuy khi viết mấy hàng này bên cạnh mình chẳng có tập văn kia mặc dầu, tôi cũng đoán đoán rằng không bao giờ quên *Tây-viên* lại in vào một bài thơ như trên kia. Ông *Tây-viên* là một bậc nho-sĩ, lễ dẫu làm tục như *Bích-vân tiên-sanh* !

« Câu thứ nhất : Hồn độn can khôn khôn như khẩu bao.

« Nếu dung chữ *hồn độn* thì không được dung chữ *can khôn*. Cái thời-gian trời đất chưa phân biệt, chưa có, người Tàu đặt tên là đời *hồn độn*. Đã là *hồn độn* thì chẳng có trời đất. *Hồn độn* can khôn đi cặp với nhau không có nghĩa gì hết. Trong sách *Ấu-học tâm-nguyên* có câu : « *Hồn độn sơ khai, can khôn thì điện*, khi chi khinh thanh, thương phu xi thiên, khi chi trong trước, ha ngưng vi địa ». Hết đời *hồn độn* rồi trời đất mới dựng lên. « *Nhứt khẩu bao* » lại càng không có nghĩa nữa, trứng gà là một cái bao, miệng đâu mà miệng !

« Nguyên văn của người ta như vậy : « *Hồn độn vị phân định nhưt bao* », nghĩa là : lúc đời *hồn độn* chưa chia thì định chừng có một bao mà thôi. Tác-giã vì trứng gà cũng như đời *hồn độn*, còn lộn xộn chỉ một cục tròn tròn có bao ngoài. Vậy mới liên-tiếp xuống câu thứ nhì : « *Đã vô bì huyết đã vô mao* ». Câu thứ ba : « *Lão-tăng* » phải để « *Kim-tăng* ». Thầy chùa đâu được xưng hô với quan là « *lão* » bao giờ ? Có xưng thì xưng « *bàn-tăng* » mà thôi. *Kim tăng* là « *nay* » thầy chùa này » hay là « *tôi* » cũng được. Càng khỏi đầu đem xác-xược như thế !

« Đến câu thứ tư, nguyên-văn : *Miền hầu nhơn gian hạ nhưt đao*, soan giã lại sửa là : *Miền tại nhơn gian thọ nhưt đao*. *Miền* hầu nghĩa là kiếp sau, ngày sau. Có « *nói* » rằng cho khỏi ngày sau làm con gà mà phải bị người ta cắt cổ. Sửa lại « *miền tại* » yên xin, thật không ăn thua gì hết. Có lẽ soan-giã trong khi viết bài không chịu tra cứu lại cho kỹ càng để sai một nguyên-văn, đánh mất sự hay một bài thơ cổ.

« Tôi xin chứa lại là muốn đem của *Cesar* trả lại cho *Cesar* chứ không có ý gì khác. Xin soan-giã biết cho. — P. B. »

Trên đây tôi trích-đăng nguyên-văn của ông P. B. trong *Trung-lập*, chứ không sửa đổi hay bỏ bớt một chữ nào hết. Đọc qua bài báo đó, làm cho tôi sững-sốt cả người !

Tây-viên Thi-thoai, sách kỳ, tôi đọc đã 25 năm

nay, từ lúc tôi 19 tuổi, tuy những chỗ khác thì tôi quên, chứ gặp chỗ ấy tôi nhớ thì tôi nhớ chi-giang. Vậy mà người kia lại nói rằng không có trong Tùy-viên Thi-thoai thì tôi tức lắm.

Ném tờ báo Trung-lập ấy xuống, tôi đi thẳng Chợ-lớn mua một bộ Tùy-viên Thi-thoai. Tùy-viên Thi-thoai có nhiều bản in, mà gần nay lại có một bản in mới nữa kêu là « thạch ấn », in bằng đá. Bản này thâu rút lại, chỉ có bốn cuốn, mà chữ nhỏ quá, rất khó coi. Vì bản mới là mới, lại chữ nhỏ như con kiến, làm tôi kiếm hoài lâu nữa tháng mà không thấy, thật bực mình. Nhưng tôi không ngã lòng, tin quyết rằng chỉ có khi họ tái-bản họ bỏ bài thơ ấy ra thì mình mới không gặp, bằng không thì thế nào cũng gặp. Quả nhiên về sau tôi kiếm được.

Tùy-viên Thi-thoai mà ở về Bồ-di, cuốn 1, tờ thứ hai, phía sau (vì một tờ hai phía), hàng thứ nhất, nguyên-văn như vậy :

人鏡得心大師雜子四十：師大吞嚼；大笑乙；師作偽云：混沌乾坤一口包。也無皮血也無毛。老僧帶爾西天去。免「得」人間受一刀。

Theo như đây thì chỉ nói như vậy :

« Người ta cho ông Đắc-tâm đại-sư bốn chục trứng gà ; đại sư nuốt lỏng ; người ta cười cho ; đại sư làm bài kệ rằng : vân vân.... »

Khi ở trong mây nói, tôi cũng không hề nói sự quan lặt và làm lời khai, cái đó tại người viết bìa ra hay là còn thấy ở đâu nữa thì tôi không biết. Còn bài thơ, tôi đọc *tây-thôn* mà người ấy viết ra *tây-phương* ; lại tôi cũng nói *miên-qi*, là theo bản kia, mà bản thạch-ấn này thì *miên-đức* ; *miên-đức*, theo ý tôi thì không bằng *miên-tại*.

Việc đánh-ranh có trong sách hân-hội như vậy đó, mà cái ông P. B. là ông nào lại dám cãi đi, nói rằng quyết không có trong Tùy-viên Thi-thoai

và còn chữa bậy của người ta nữa ?

Chỗ ông ấy đính-chính bài thơ lại, có đề câu « nguyên-văn của người ta như vậy », nói vậy là nghĩa làm sao ? Nguyên-văn ấy là nguyên-văn ở đâu ? Ông Huyền-vân nói bài thơ đó là như thế và xuất sách Tùy-viên ; ông P. B. nói không phải như thế và không có ở Tùy-viên, thì ở đâu ? Ở đâu mà có được cái nguyên-văn ấy, sao ông P. B. biết mà lại không dẫn ra làm chứng ? Thiệt là ngang quá ! Thiệt là loạn quá ! Thiệt là to gan quá ! Hèn chi người ta nói « diệc không sợ súng » thì phải !

Người ta do trong sách chép ra, mình chẳng có bằng-cớ nào hết, dám lấy cái biết được một là mít mà chữa lại. Chữa lại bậy-bà hết, rồi lại dám nói người ta « đánh mất cái hay của một bài thơ cổ », như vậy, tôi tưởng con người họ, chẳng còn có một chút gì là sự-lý hết thế !

Hồn-độn càn-khôn, sao lại dám nói là không có nghĩa ? Thứ đồ sách « Âu-học » mà dám viện lấy làm bằng-cớ để cãi lại người ta ! Trời ơi ! không biết người Việt-nam ở thế-kỷ này, sao lại có người điên đến thế !

Tôi chẳng hơi nào mà giải bài thơ ấy ra đây cho thấy nó có nghĩa làm chi. Tôi chỉ khuyên ông P. B. nào đó đi mua bộ Tùy-viên Thi-thoai như tôi, về lật cuốn Bồ-di 1 ra mà chỉ ngay tờ thứ 2, phía sau, hàng đầu hết thì có bài thơ ấy, rồi nó có nghĩa hay không sẽ biết.

Việc bẻ-bác người ta, không phải là việc chơi, tôi đã nói từ trên đầu bài này rồi. Bẻ-bác mà như ông Nguyễn-duy-Thanh và ông P. B. đây, thật là khinh-suất quá, tàn-bạo quá, lấy không làm có, lấy có làm không ; phải trách nặng các ông một lần cho các ông biết.

Cứ như ý tôi, muốn nghị-luận, muốn bẻ-bác, thì ít nào cũng phải có tập-rèn mới được. Muốn tập-rèn, thì ta hãy viết thơ luận-học cùng nhau như tôi nói trên kia. PHAN-KHOI

Trong số tôi có hoa lạ !

Hoa là cái biểu-hiệu sự đẹp của Tạo-hóa cũng như đàn-bà là cái biểu-hiệu sự đẹp của Tạo-hóa.

Bởi vậy khi so-sánh cái đẹp của đàn-bà, người ta thường nói : đẹp như hoa.

Phu-nữ với hoa có sự quan-hệ như vậy, thế thì nên làm quen với nhau mới phải.

Vì nghĩ như vậy, từ số sau trở đi Bản-báo sẽ đăng trong mỗi số một ít thứ hoa đẹp, quý và lạ để chị em thưởng-thức.

© Chị em thường ao ước ở Saigon mỗi năm mỗi có cuộc Đấu-xảo nữ-công để có chỗ cho chị em chưng bày đồ nữ-công và trao đổi cái hay cái khéo của mình.

Đẹp ý chị em, ngày 1^o đến 7 Mai năm nay, tại Saigon sẽ có một Hội-chợ của Phụ-nữ mở ra ; vậy xin chị em lo sắm-sửa trước rồi đến mà dự.

Nhật-Hoa chiến-tranh

MÂY NGÀY ĐỔ MÁU Ở THƯỢNG-HẢI

Có thuật lời của ông Albert Londres, phóng viên báo Le Journal

Cuộc Nhật-Hoa chiến-tranh mấy tháng nay, làm cho các nước ở khắp thế-giới đều chú ý tới, bởi vì nước nào cũng sợ e không khéo cuộc Nhật-Hoa chiến-tranh ngày nay nó lại thành ra cái ngòi cho cuộc Thế-giới chiến-tranh ngày sau chăng.

Cái vết thương mà các đại cường quốc ở khắp thế-giới đã mang trong trận Âu-chiến 1914-1918 nó chỉ mới vừa kéo da non chớ chưa thật lành, bỗng lại gặp cái nạn kinh-tế khuân-bách dồn dập tới, bởi vậy nên nước nào cũng đều không muốn có cuộc chiến-tranh mới nữa. Giàu mạnh như nước Huế-kỳ, nhưng coi ý cũng muốn tránh việc giặc-giã được chừng nào hay chừng nấy.

Trong lúc Đại-biểu của nước trong thế-giới — có cả Đại-biểu Tàu và Nhật — đang ngồi vầy nơi bàn móng ngựa ở Hội Vạn-quốc tại thành Genève (Suisse), đem hết trí óc ra mà bàn tính sự hòa-bình cho cả và thế-giới, thì bỗng xảy ra việc Nhật-bổn đánh Mãn-châu ; Hội Vạn-quốc hết sức điều-định, hăm dọa, nhưng cũng không thể nào lấy « cặp da » mà giập tắt ngòi chiến-tranh Hoa-Nhật cho nổi.

Hay cái tin Nhật-bổn đem binh đánh Mãn-châu, ai cũng tưởng đất Mãn-châu sẽ mất về tay Nhật, nhưng may cho Tàu, ở đó lại nảy ra một danh-tướng tên Mã-chiến-Sơn, chiêu mộ được mấy muốn binh, liền đem hết ra mà ngăn cản binh Nhật. Hai bên đánh trăm-trày trăm-trật với nhau, chưa phân thắng bại, dầu Nhật có chiếm đoạt được một vài tỉnh, rước Phổ-Nghi đem về làm vua, song phải mất hết một cây chiến-kỳ do tay Hoàng-hậu Chiêu-Hòa theo, là một sự rất nhục-nhã cho bộ binh Nhật, và chiếm được bao nhiêu đất thì giữ bấy nhiêu, chớ không tấn-tới được nữa.

Việc Mãn-châu mới đến đây chớ chưa liêu-kết, thì ở Nam-kinh, bọn Hồ-hán-Dân, Lương-tinh-Vệ... ép riết Trương-giới-Thạch phải từ chức chủ-tịch,

giải-tán chánh-phủ Nam-kinh để hiệp nhau lại mà lập ra một cái chánh-phủ hiệp-nhất mới. Liệu thế không thể đứng được, Trương Giới-Thạch liền tuyên-bố từ chức về vườn an nghỉ. Cái tin ấy tuy không làm cho hết thảy quốc-dân Tàu đều hoan-nginh, song nó cũng làm cho bọn Hồ, Lương, đặc chí được một lúc, bởi vì lâu nay có ai lung lay nổi cái trụ thạch đồ đầu.

Tướng vừa rời khỏi Nam-kinh, thì bọn Lương đã thành-lập chánh-phủ mới. Bây giờ bên tả-đảng mới thấy rõ, nếu Trương-giới-Thạch mà bước trái ra khỏi vòng chánh-giới, thì thật là một sự rất khó lòng, nhứt là công việc phải làm trước hết của chánh-phủ mới, là chống cự với Nhật-bổn.

Liệu sức mình không đương nổi cái trách-nhiệm ấy, chánh-phủ phải yêu-cầu lại Trương, dọa nếu Trương không chịu trở ra giúp chánh-phủ, thì các yếu-nhơn như Tôn-Khoa, Lương-tinh-Vệ... cũng sẽ từ chức hết.

Tướng bèn chịu trở ra, nhưng có lẽ trở ra đây là vì giang-san, vì chúng-tộc chớ không phải vì sự hăm dọa từ chức của ai đâu.

Nhập vào chánh-phủ mới, ai cũng ngờ Trương sẽ cầm binh tuốt lên Mãn-châu hiệp cùng Mã-chiến-Sơn đuổi binh Nhật ra khỏi đất Tàu, nhưng trái lại, Trương không chịu đồng binh, chỉ ở tại Nam-kinh, tìm kế điều-định với Nhật-bổn.

Kế của Trương, hay kế của chánh-phủ ra làm sao chưa thấy noi, chỉ thấy quốc-dân Tàu rập nhau tây-chạy hàng-hóa Nhật, làm cho Nhật thất lợi rất nhiều.

Dùng binh gia, sùng đan đầu chiến với Nhật, Nhật ưng lắm, vì chắc ăn ; nhưng nếu Tàu lấy sự tây-chạy làm lợi-khí mà đánh ngay vào cuộc kinh-tế Nhật, thì Nhật phải rụng mình. Bởi rụng mình nên Nhật mới quyết lòng làm đổ, quyết lấy võ-lực định cuộc hơn thua với Tàu, chớ không đủ-đưa



Tháp Long-hoa trên mặt hồ ở Thượng-hải

như mấy tháng nay vậy.

Nhật quyết chết sống với Tàu, song, đánh trên Mãn-châu bị Mãn-chiếm-Sơn giồi quả, không chắc gì hơn họ Mã được, chỉ bằng đánh ngay Thượng-hải (Shanghai) là chỗ phát ra ngòi lửa tây-chạy, lại cũng gần chỗ chánh-phủ Tàu đóng nữa.

Nhật đánh Thượng-hải thật khôn: một là sự lợi hại trực-liếp ngay với các yếu-nhơn nước Tàu; hai là ở đó có những tờ-giới của liệt-cường, sợ hư hại, Tàu phải tình êm với Nhật, lãnh-sự liệt-quốc phải điều-dinh cho xong; vì nghĩ như vậy nên Nhật mới đánh.

Nhật đánh Thượng-hải tức là muốn liêu-kết cho sớm cuộc chiến-tranh của hai nước vậy.



Từ hôm ngòi chiến-tranh ở Mãn-châu vừa phục lên—như trước kia tôi đã nói—hết thấy các nước trong thế-giới đều chú ý, mà chú ý nhiều như là các tờ báo lớn ở Âu, Mỹ. Các tờ báo ấy rất chú trọng về sự thông báo tin tức ở khắp hoàn-cầu cho độc-giã biết, nhất là tin tức về việc chiến-tranh, người ta cho là quan-hệ lắm, bởi vậy báo nào cũng có sẵn riêng phòng-sự về chiến-tranh, đề ra tận mặt trận lấy tin mà gửi về cho nhà báo.

Lúc Nhật mới khởi đánh Mãn-châu, là đã có các tay phòng-sự các báo ở Âu, Mỹ ôm viết mục qua nước Tàu, tức như bà Andrée Viollis, báo *Petit Parisien*; ông Le Graucloade, báo *Candide, Je Suis Partout*; ông Albert Londres, báo *Le Journal*, đi theo ông Reynaud qua Saigon hôm trước, khi quan cựu Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa trở về Paris, các bà, ông ấy, đều đi luôn qua Tàu để quan-sát thời-cuộc, gửi tin về cho báo mình biết.

Những tay phòng-sự trên đây đều là tay làm báo có danh tiếng, khắp thế-giới đều biết, bởi vậy những sự quan-sát của họ rất đúng-dắn, mà những tin tức của họ thuật ra cũng rất rõ ràng.

Trong lúc Nhật độ binh qua Thượng-hải, ông Albert Londres vẫn có mặt tại đó, ông bèn lấy hết tin tức đánh đây-thếp về cho báo *Le Journal* ở Paris, cái tin ấy đã hay mà lại rất rõ ràng, bởi vậy tôi muốn dịch ra quốc-âm để độc-giã xem cho biết sự nào động của một thành-phố lớn của nước Tàu—lớn bằng mười Saigon ta—trong lúc « có giặc tới » là ra thế nào.

Dưới đây là lời ông Albert Londres thuật lại.

Tàu tây-chạy Nhật

« Cái sự diên-cương của Á-châu mới động tới

thành Thượng-hải. Giặc đã nổi lên khắp đường phố. Từ năm tháng nay, Nhật-bản đánh với Tàu ở trong địa-phần Tàu và, theo lẽ ngoại-giao, cả hai nước đều giữ đúng theo lẽ-luật. Ấy, thời - cuộc Viễn-đông là như vậy đó.

« Nhưng, giờ này đâu có phải là giờ dễ ngồi đó mà chiêm-nghiệm. Thượng-hải, một cái thành lớn quốc-tế (monstre international) đã bị công-kích; lối xin nhập đề.

« Muốn trả thù lại cái việc Nhật-bản xâm-chiếm Mãn-châu, nước Tàu, — tôi không nói chánh-phủ Tàu, bởi vì chỉ có Phật mới biết chánh-phủ đó ở đâu, — nước Tàu có nảy ra được một vài phương-pháp. Cái phương-pháp lớn của Thượng-hải là tây-chạy hàng-hóa Nhật-bản. Người Tàu luôn luôn có tánh dễ dàng, có tánh « làm sao cũng được », bởi vậy trong hồi này họ có thể làm lơ đi trong lúc những hàng-hóa rất xinh đẹp do công-nghệ Nhật-bản chế tạo ra, cũng không khó gì.

« Về phần Nhật-bản, chen-chút với nhau ở trên quần-đảo, bình-thường day trở còn muốn không được, huống hồ chỉ ngày nay cái thị-trường rộng rãi như hoàn-cầu, thỉnh linh khóa cửa không cho hàng-hóa của họ đem lọt vào nữa, đầu biết sự khóa cửa ấy chỉ tạm thời trong một lúc mà thôi, nhưng họ cũng không thể không rung động cho được. Sự trả nũa của người Tàu đã đánh ngay vào chỗ yếu-hiểm của Nhật vậy. Chiến thắng ở Mãn-châu, chiến thắng ở Thiên-lân, Nhật độ binh xâm-chiếm Thượng-hải, có cái hi-vọng sẽ chiến thắng nữa. Mà cũng vì đó mới có chuyện này.

Cái thành quái lạ

« Thượng-hải, thành-phố Mỹ, Anh, Pháp, Ý, Nga, Đức, Nhật, và cũng một chút ít Tàu, là một cái thành-phố quái-lạ, khắp thế-giới không tìm đâu có. Muốn về cái hình-trang nó một cách dễ hiểu, tất phải trang nó ra một nàng tiên có hai mươi đầu, 184 cánh tay, con mắt chứa chan hi-vọng, và những ngón tay dẫn thữ bạc đồng!

« Ấy, ở tại đó là chỗ người Tàu dòm ngó đến sự mua bán của đồng-bào họ một cách êm thắm và hết sức kiên nhẫn. Người nào mua hay bán những đồ hàng nháng của Nhật-bản tức thì sẽ bị bắt dắt vào con đường hẻm, rồi đưa xuống sông ra mà dền tội phạm quốc. Một lượt với bức tối-hậu-thơ, Nhật sai qua Tàu mấy chiếc chiến-hạm!

« Nhật gửi tối-hậu-thơ ấy cho ai? Chính Nhật cũng không biết gì cả! Gửi cho chánh-phủ Tàu ư? Làm sao Nhật kiếm được? Các quan Tàu nắm nhà-thương thường lion ở các bộ. Thỉnh linh có khi, anh có phước được kiến diện với một ông

Bộ-trưởng hành-chánh nào, để xin xỏ hay kêu nại một việc chi đó, quan lớn sẽ xin lỗi về sự bất lực của ngài, bởi vì theo ngài, cái người đứng chịu hết thảy các trách-nhiệm, là một vị Đốc-quân, hiện đang về làng nghỉ mát, chưa biết đến bao giờ mới hết hạn nghỉ ấy!

« Bức tối-hậu-thơ của chánh-phủ Nhật, gửi ngay qua cho viên Đốc-lý thành-phố Thượng-hải. Viên Đốc-lý này, ông Vương-thiết-Thành (M. Wu-Te-Chen) và cũng là một vị Đốc-quân, thật là tay khôn ngoan lanh lợi. Bây giờ mới phải làm sao cho những đám dân tình nguyện, đang đứng gác ở trước các hiệu buôn Nhật-bản kia, họ dất nhau về nhà đánh thiên-cầu với nhau hê?

« Bọn học-sanh bắt tuần lệnh viên Đốc-lý. Họ lại kéo nhau đến dinh ngài mà la lối om sòm lên nữa. Cái sự họ làm ồn ào lên đó rất bất lợi cho họ, bởi vậy qua hai ngày sau, không ai còn thấy có một cậu học-sanh nào thấp thoáng ngoài đường phố nữa. Viên Đốc-lý Thượng-hải đã thiết-hành được chỉ hưỡng của ngài rồi, bởi vậy qua ngày 28 Janvier, đúng 7 giờ, Vương-thiết-Thành báo cái tin, ấy cho chánh-phủ Nhật biết.

Thiên hạ rộn rục

« Ngày hôm nay không phải không rộn rục. Trên không-trung đã nổ mìn bắt tương đối với thời-cuộc. Người Pháp trong tờ-giới mình, người khác và người Mỹ trong tờ-giới vạn-quốc, ai nấy đang lo rào giậu đường lối, đang lo giăng giây kẽm gai chung quanh tờ-giới, và mộ quân tình nguyện sẵn sàng. Đến bốn giờ, người Tây truyền treo bảng yết-thị tỏ cho ai nấy biết sắp có giặc. Đêm ấy mùi chiến tranh đã xông lên rồi.

« Nhưng, đồng hồ vừa dđ 7 giờ, thì cái tin điều-dinh của viên Đốc-lý Thượng-hải cũng vừa đến, có phước quá, nó đến đúng giờ dùng rượu khai vị.

« Đêm ấy, vào lối 11 giờ 35, các nhà làm báo, quên cái thời không ngủ sớm được, mới đi dạo trông phần nhượng-địa của vạn-quốc giao về Nhật-bản, không thể nào vội quên được cái cảnh tượng thỉnh linh nó đưa đến trước mắt họ.

« Trời không có ánh sáng, hết thấy các hiệu buôn đều bỏ hoang. Áp-bắc (Chapel) — lên cái quận ấy — vắng hoe, hết thấy các con đường lớn nhỏ, cho đến hang cùng ngõ hẻm của nó, cũng chỉ còn có mấy ngọn đèn sáng lơ mờ mà người ta quên tất!

Bức thư gửi cho quan Đốc-lý

« Một cái tiếng thương gõ mạnh dưới đất rồi cất cao lên về miệt bờ sông Hoàng-phổ (Wiang-poo). Tôi nhìn theo. Một đám đen đi rập rang ở đầu kia đi ngay lại Áp-bắc, tôi ben đứng lại.

« Cái đám đen ấy là một đám người nhỏ, đầu đội nón, nước da sẫm, mặc sắc phục màu lá cây, tay bông súng có gấn lưới lè, lần lần tiến tới. Nhiều đám người nhỏ khác, ngó bộ đàn đi, le lằng, cứ đi 20 bước lại ngừng, tay người nào cũng có cầm một khẩu súng lục. Đám đó thấy im lìm dễ khiếp sợ. Ấy là quân lính Nhật ở trên tàu xuống đất. Nửa giờ trước, quan Thủy-sư Đe-đốc Nhật có gửi cho viên Đốc-lý Thượng-hải một bức thư có ba hàng chữ đứng, đầu lối 30 chữ. Thư ấy nói:

— Thưa ngài, cái hoàn-cảnh bên ngoài các tờ-giới lấy làm nghiêm-trọng lắm. Các Ủy-viên thành-phố cầm đầu các đạo binh liệt cường đều tuyên-bố giới-nghiêm (état de siege). Bởi tại Áp-bắc có nhiều Nhật-kiểu ở trong đó, nên chúng tôi phải đem binh đến bảo hộ cho họ. Xin ngài hãy truyền lệnh cho quân lính của ngài rút ra khỏi chỗ ấy.

« Bức thư chỉ có mấy lời.

« Nhật-bản đã kéo binh vào Mãn-châu; tàu của họ đến bến Thiên-tân cho lính xuống một cách dễ dàng như bẻ một cành hoa, vờ đi ngang vira bẻ cũng được, không cần phải đứng bước. Hồi vậy đêm nay họ cũng đi theo cái kiểu ấy, kể chắc sẽ bẻ được cành hoa ở Áp-bắc và nhà ga xe-lửa Nam-kinh dễ như chơi Nhưng, ở Trung-quốc, cái gì cũng có thể xảy ra được hết, nó xảy ra cho đến, viên Đốc-lý tỉnh sao mặc ngài, quân lính Tàu cũng cứ như định đánh.

« Một phát súng bất ngờ chặn ngang cái đạo quân đang tấn-bộ. Các đạo binh Quảng-đông xóc ra đương-căn bước đường của quân Nhật, tất nhiên là cuộc-diện phải đời man. Nhật-quân chạy dãi theo tường nhà, tay cầm súng có giắt lưới lè, trong lúc trời tối lơ mờ, người ta có thể ngờ là họ có còi ngựa.

« Binh Quảng-đông hẳn luôn 2 giờ, mới chịu lui đi chỗ khác. Đến đây lại xảy ra việc khác nữa. Các đạo binh Tàu đều có bọn thiện-xạ xen lẫn, bây giờ họ mới ần ập vào các nhà ở, tiệm buôn, chia súng ra cửa sổ mà bắn quân Nhật đang đi ngoài đường. Chiến-pháp của Nhật bị phá hoại, họ không dám tấn đến nhà ga xe-lửa. Khắp các con đường đều có tiếng súng nổ lụp bụp. Cả đêm cả ngày, súng liên-thình, súng tay, lưới đan vào

Áp-bắc từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, như mưa bắc!

« Luôn hai ngày, thiên-ba chạy giặc thấy mà thãm. Già trẻ, lớn bé, người đi bộ, kẻ đi xe, lũ hầy đoàn ba, đều kéo nhau chạy vào lò-giới liệt cường như nước chảy.

« Những người dư đã rùng rùng kéo nhau xuống tàu hỏa đậu trong sông Hoàng-phố; người giàu có thì đến trú ngụ ở khách-san Tây. Nếu ngày mai hầy còn như vậy nữa, thì tôi cũng không nói ra khỏi phòng được.

« Ở Áp-bắc, có nhiều người chưa chạy trốn kịp. Kinh-hải vì tiếng súng liên-thình, ba bốn người dẫn-bà hiệp nhau lại làm một tổp, mỗi người đắp một cái mền trên lưng, rồi tìm một eon đường mà thoát nạn.

« Hôm nay là ngày 30 Janvier. Đùng 8 giờ, một cái tin truyền ra trong thành-phố. Người ta sắp ký tờ đình-chiến! Tin ấy có thiệt không? Hết giặc rồi ư? Không đâu. Đình-chiến chỉ để ngán sự tấn bộ của quân Nhật. Ngoài đường hầy còn tiếng súng; tiếng súng nổ luôn đêm, và hôm nay là ngày thứ bảy.

« Tình-hình mỗi giờ một thêm nghiêm trọng. Viên Tổng-lãnh-sự Nhật-hồn đã hết thể kiểm-soát các đạo quân Nhật, nhưt là các đạo quân tinh nguyện.

Nghiêm lịnh của nước Mỹ

« Có một vài đạo quân Nhật xâm phạm vào lò-giới của Van-quốc.

« Hồi 2 giờ, ông Powers, Thủy-sư Đê-đốc, quân suất đạo chiến thuyền nước Mỹ, có gởi cái tin dưới đây cho các đạo binh Hoa-Nhật:

« Tờ thông-cáo này cho các ông hay rằng nếu các ông thãm nhập vào phần đất của chúng tôi, chúng tôi sẽ hấn ngay, dầu cho các ông có bắn lại hay không, dầu cho các ông là quân Tàu hay quân Nhật cũng vậy. Khi các ông lui binh vì bại trận, dầu còn giữ khi-giới đầu không, cũng không được phép chạy qua cầu của chúng tôi nữa.

« Anh, Mỹ, Tàu đều đảo hào (tranchées) chung quanh Thượng-hải. Người Pháp đã có đủ khi-giới, lò-giới của họ đều có đảo hào phòng bị cẩn thận.»

Trên đây là lời ông Albert Londres, phóng-sự báo Le Journal thuật chuyện lúc Nhật mới độ binh đến Thượng-hải, chớ hơn tháng nay hai bên đã giao chiến một cách kịch-liệt, và sự thắng lợi đều ở cả bên quân Tàu vậy.

Hội chợ của Phụ-nữ năm 1932

Sẽ mở từ ngày 1er cho tới 7 Mai tại Saigon

Nghe cái tên Hội chợ của Phụ nữ, thì ai cũng đều hiểu đó là một phiên chợ của phụ-nữ Việt-nam chung công góp sức nhau lại mà tổ-chức ra, để có chỗ cho chị em tranh hay khoe khéo, chỉ về lẫn nhau vậy.

Những đồ vật sẽ đem trưng bày trong Hội chợ, là những đồ do tay phụ-nữ làm ra, như đồ thêu, đồ may, đồ dệt, đồ vẽ... và những món ăn ngon lành như: bánh, mứt, nem, dưa... bất kỳ ai có làm ra được nhiều hay một vài món, cũng đều nên đem trưng bày trong Hội chợ cả.

Cuộc Hội chợ này nó có gồm cái ý-nghĩa đấu xảo trong đó, chắc chị em vẫn biết như thế. Hội chợ là chỗ trưng-bày đồ-vật mà bán lấy tiền, còn Đấu-xảo là có cạnh tranh hơn thua, hay, dở; Hội chợ của chị em đây sẽ có cả hai ý ấy. Mà có như vậy mới là hoàn toàn một cuộc Hội chợ của phụ-nữ.

Người bận việc, có nghề hay tài khéo, không thể làm ra đồ cho nhiều mà bán, chỉ làm một vài món để đấu cái hay cái khéo chơi, trong Hội chợ này cũng có chỗ cho chị em phô bày, mà người có nghề khéo, đồ tốt, lại làm ra được nhiều, vừa để đấu-xảo, vừa để bán ra cho đồng-bào dùng. Hội chợ này cũng là một chốn thương-trường nhỏ dành sẵn cho chị em vậy.

Thề-lệ Hội chợ, hiện nay ban Hội-đồng tổ-chức đang bàn lịnh, chưa quyết-định kịp, nhưng Bôn-báo có thể mách cho chị em biết đại-lược một đôi điều như sau này:

1. Những đồ của chị em ở xa, gởi đến đâu, hội sẽ trông nom sắp đặt giùm, khi đấu xong hội sẽ gởi trả lại, bằng như muốn đấu mà cũng muốn bán nữa, thì chị em cứ định giá tiền, hội sẽ đấu, sẽ bán giùm, và sẽ gởi tiền, hoặc gởi đồ trả lại nguyên chủ sau khi-mãn cuộc.

2. Chị em ở gần, muốn tự mình trưng bày đồ của mình ra mà đấu, hoặc bán, hội sẽ cho mượn chỗ để tùy ý chị em sắp đặt cho vừa lòng.

Trên đây Bôn-báo chỉ kể đại-lược một đôi điều, chớ hội sẽ còn sắp đặt rất nhiều cuộc vui chơi và ích lợi cho phụ-nữ lắm.

Vậy từ nay chị em xa gần hãy dự-bị cho sớm những món nữ-công, để cùng chung tài góp sức với nhau mà làm cho Hội chợ của Phụ-nữ năm 1932, tuy mới mở ra một lần đầu, mà sẽ được hoàn-toàn đứng-đắn.

V. H.

P. N. T. V.

CHỊ EM NÊN TẬP

BỒ TẠNH NHƯT NHẬT

LÀM SÁCH VIẾT BÁO

Chẳng những tờ Phụ-nữ Tân-văn này là cơ-quan của phụ-nữ, là diễn-đàn chung của chị em, mà cho đến các báo hàng-ngày, cơ-quan của một đảng chánh-trị, một hàng buôn, hay của cả và quốc-dân đi nữa, báo nào cũng đều có mở mục « Văn nữ-giới », « Phụ-nữ diễn-dân », « Nội mục hương-khuê » v. v. ... để cho chị em tỏ bày tâm sự và ý-kiến của mình đối với gia-đình và xã-hội cả.

Tờ P. N. T. V. này mà lập ra và các ban đồng-nghiệp mở những mục ấy, đều vì chị em, — chị em là một nửa quốc-dân — hẳn sao cũng có đều muốn nói và đáng nói ở giữa xã-hội cho mọi người nghe, cái sự vì chị em đó, chắc chị em cũng đã dư biết.

Đáp lại cái chờ mong-mỏi của tờ P. N. T. V. và cái thanh-tình nhả-y của các báo quốc-âm, chị em đã có làm cho chúng tôi được vui lòng mãn-nguyện chut nào chưa?

Tôi xin nói: Thật, chưa có gì hết!

Bởi chưa có gì hết nên ngày nay, xem tờ báo hàng ngày của dân-ông, gặp một bài ký tên là bà hay cô chi đó, người ta mới mĩn miệng và nói: « Đây lại cũng anh nào viết, rồi ký tên dân-bà đây chớ gì! »

Người khác lại nói — nói có cái giọng trách —: « Tờ P. N. T. V. phần nhiều bài, cũng là dân-ông viết cả! »

Cái câu nói, cái tiếng trách những nhà làm văn, viết báo, tôi mới thuật trên đây, chớ phải chỉ nó do cửa miệng của những người dân-ông mà ra thì cũng còn dễ chịu một chút, ngặt phần nhiều nó lại ở nơi miệng phụ-nữ có học-thức, biết viết lách, là hạng người có cái bôn-phần phải chung chịu sự phiên trách với chúng tôi mà ra, mới thật là đáng buồn.

Sao chị em cũng theo bè với dân-ông mà trách những bài đăng trong báo là không phải tự tay dân-bà viết? Thậm chí có nhiều khi, một cái bài hay một quyển sách, chúng tôi dám lấy danh-dư con nhà làm báo mà cam đoan rằng bài ấy, sách ấy, chính tay bà kia, có nọ, nặn đầu bóp óc mà viết ra, nhưng có người cũng còn không chịu tin, hay tin có phần nữa, còn phân nữa cũng là nghi với ngờ!

Dân-bà có nên làm sách viết báo không?

Theo chúng tôi thì nên, cái đồ tưởng không cần phải nói mà ai cũng biết. Nhưng dầu cho theo ai

dữ nữa thì bà lại dám cãi ngược lại mà nói là dân-bà không nên làm sách viết báo hay sao?

Chẳng nói ở Mỹ, ở Âu, phụ-nữ rả tiền-hóa, tôi vậy có đủ thứ báo cho dân bà đọc, và có không biết bao nhiêu là dân bà làm sách làm báo, hay làm nhiều cái nghề nguy-hiểm đến tày mạng, không kém gì dân ông, mà cho đến nước Tàu là nước làng-giềng ta đây, phụ-nữ có cái phong-tục lễ-giáo in hệt như phong-tục lễ-giáo của phụ-nữ ta, mà đã lâu rồi, cũng có nhiều tờ báo để riêng cho dân bà đọc như Nữ-glời-chung, Nữ-quyền-báo, Phụ-nữ Tạp-chi... bài vở trong các báo ấy phần nhiều đều do tay chị em viết ra cả.

Phụ-nữ nước Tàu ngày nay có người làm quan tòa, làm thầy-kiện, làm phi-công, làm cảnh-sát, lại có người dám cầm binh xuất trận trong cuộc Nhật-Hoa chiến tranh mới đây, dầu có nhiều duyên cớ, nhưng ai dám chắc là không nhờ các bài cổ-dộng trong báo phụ-nữ, do tay chị em nước Tàu viết ra?

Đời này là đời cạnh-tranh, cạnh-tranh để mà tiền-hóa, không ai chịu đứng yên một chỗ mà trông người lên đường. Chị em đã hiểu nghĩa cạnh-tranh, đã muốn tiền-hóa, thì phải học theo gương người, phải trải qua con đường của người ta đã đi kia mới được.

Dân-bà có chuyện nói không?

Gặp nhau là ngồi lại nói chuyện, chị em không phải là người không hay nói. Nhưng nói với một vài chị em ở gần, sao bằng nói với hết thầy đồng-bào trong nước?

Dân ông có chuyện dân ông, dân bà có chuyện dân bà; chuyện dân ông thì họ đem phô bày trên báo để dạy bảo nhau, trao đổi ý kiến cùng nhau, còn chuyện dân bà, sao dân bà lại giấu kín?

Chuyện gần chuyện xa, việc nhà việc nước, dân ông có bao nhiêu chuyện nói thì dân bà cũng có bấy nhiêu. Nói để cho người ta nghe, nói để cho biết phải trái, chị em không nên chiu thiệt thòi mãi như xưa vậy nữa.

Phương chi người ta đã dành sẵn chỗ cho chị em nói, xã-hội đã vui lòng rước lời nói của chị em, thì chị em há lại đi tiếc lời nói — đời nói rất quan hệ cho sự tiến-hóa, rất có ích cho kiếp sống của chị em — hay sao?

Không biết nói là tại không có học. Nhưng

trong chị em ngày nay có làm người đã đi Tây đi Tàu, có nhiều người đã học đến bậc Cao-đẳng, Trung-đẳng, phần nhiều đều biết đọc sách, coi báo, hiểu chuyện bên Mỹ, bên Âu, ai cũng có cái có phần đoán, ai cũng có ý-kiến riêng của mình, thì sao lại không có chuyện nói?

Hãy bỏ cái tánh nhút-nhát.

Chị em không chịu nói — nghĩa là không chịu phó hay ý-kiến của mình lên trên báo — là tại chị em chưa cởi được tánh e-lệ, nhút-nhát. Cái tánh e-lệ nhút-nhát nó làm hại phụ-nữ Việt-nam đã bao lâu nay — làm hại đủ cả phương-diện — nó làm hại cho chị em thật không biết bao nhiêu mà kể. Ngày nay chị em đã thấy rõ tường sự hại của nó rồi thì có lẽ nào lại để mà chịu vậy mãi sao?

Chị em thường trách đàn-ông hay già danh đàn-bà, bài vở trong P. N. T. V phần nhiều đều do tay đàn-ông viết ra, sao chị em là hạng người hay suy xét, lại không chịu xét coi đó là lỗi tại ai, vì sao mà sanh ra sự ấy, và đàn-ông phải già danh đàn-bà, phải ngồi nghĩ nỗi thiệt thòi oan ức của đàn-bà mà viết ra, nó khổ lắm là thế nào?

Còn chị hay, còn chị đừng cho bằng đàn-bà nói chuyện đàn-bà?

Ài biết chuyện đàn-bà cho bằng đàn-bà?

Không cần luận bản chánh-trị, không kể lý-tài, kinh-tế làm chi cho xa-vời khó-khăn, chị em cứ nói chuyện gia-đình, kinh-thờ cha mẹ, giúp đỡ

chồng con, gây dựng hạnh-phúc cho vợ chồng v.v., bao nhiêu đó nếu luận biện cho nhảm, giảng giải cho đúng, thì sự hữu ích của nó nào có phải nhỏ đâu?

Tôi đọc cuốn «Phụ-nữ Việt-nam» (1) rồi, tôi rất kính-phục và khen ngợi tác-giả, là bà Nguyễn-hào-Cà. Tác-giả không bàn luận chi khác hơn là bốn phận của một người đàn-bà đối với cha mẹ, đối với chồng con, đối với xã-hội, thế mà lời luận biện rất xác-đáng, chân-thật, văn-chương rất dễ hiểu dễ nghe, bao nhiêu đó cũng đủ hữu ích cho phụ-nữ Việt-nam lắm rồi. Tuy vậy, trong lúc chị em đang bị cái phong-trào văn-minh lời cuốn, đang mong mới tiến-hóa cho kịp người, một cuốn sách nhỏ như cuốn «Phụ-nữ Việt-nam» nào có đủ vào đâu?

Phải còn nhiều cuốn sách nữ-huấn khác, mà bà Nguyễn-hào-Cà đã soạn được cuốn «Phụ-nữ Việt-nam», thì há trong mấy triệu chị em lại không còn ai soạn được nhiều cuốn sách quý báu như thế nữa?

Bỏ tánh nhút-nhát là một việc hay, mà làm sách viết báo lại là một điều cần kíp, xin phụ-nữ Việt-nam hãy suy xét và làm đi cho sớm.

VIÊN-HOÀNG

(1) Sách «Phụ-nữ Việt-nam» của bà Nguyễn-hào-Cà có thể bán tại báo-quân P. N. T. V, giá mỗi quyển 0\$30.

PHỤ NỮ HÀ NỘI NHÓM LẬP VIỆN TẾ BẦN



Trong mục «Tin tức trong nước» số báo qua rồi, có thuật cuộc nhóm Hội-đồng của phụ-nữ Tây Nam ở Hà-thành, hơn 200 người, bàn tính lập Viện Tế-bần, để có chỗ cho những người nghèo nạn hơ-vơ, không cơm ăn nhà ở, có chỗ định-trụ, khỏi phải ở trong cảnh màn trời chiếu đất nữa.

Đây là bức ảnh chụp chị em đến dự hội bữa ấy. Bản-báo muốn in ra đây để chị em trong Nam biết cái sự sôi sảng của phụ-nữ ở Hà-thành đối với việc từ-thiện là như thế.

MỘT LỜI THƠ' MỚI TRÌNH CHÁNH GIỮA LÀNG THƠ'

Mới đây, tôi có được gặp ông Phạm-Quỳnh ở Saigon. Trong khi nói chuyện, ông nhắc đến mấy bài Trúc-chi-tử của tôi đã làm trên sông Hương khi gặp người bạn cũ là ông Nguyễn-bà-Trác ở ngoại-quốc mới về; ông Phạm tỏ ý khen mấy bài đó và nói chính mình đã dịch nó ra tiếng Pháp. Sau hết, ông khuyên tôi nên giữ cái thái-độ ngâm thơ như hồi đó thì hơn.

Lời khuyên của ông Phạm đó, dần là lời nói dõn dè nữa, với tôi, tôi cũng phải nhìn là có ý-nghĩa. Nhưng sau khi nghe lời ấy, tôi chỉ có thể gặt đầu mà làm thinh, không dám vội-vàng tỏ ra mình đã vui lòng lãnh-giáo. Vì con người ta mà muốn thay đổi cách sanh-hoạt về tinh-thần, lại còn khó hơn chánh-phủ thay đổi cái chế-độ giáo-dục hay chế-độ nấu-rượu nữa, không phải việc chơi đâu mà hấp-lấp.

Duy có vì nghe lời ông đó mà tôi nhớ sự làm thơ. Thật, cái động-cơ viết bài này là chính ở mấy lời của ông vậy.

Ông Phạm bảo tôi nên lấy lại cái thái-độ ngâm-thơ hồi trước; trong đó tỏ ra rằng bấy lâu tôi đã bỏ mất hay là đã đổi cái thái-độ ấy đi, nghĩa là bấy lâu nay tôi không ngâm thơ. Mà quả thế, gần mười năm nay, tôi không có bài thơ nào hết, thơ bằng chữ gì cũng không có.

Trước kia tôi dần không có tên tuổi trong làng thơ như ông Nguyễn-khắc-Hiếu, ông Trần-tuấn-Khải, sống ít ra trong một năm, tôi cũng có được năm bảy bài, hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng Nôm. Mà năm bảy bài của tôi, không phải nói phách, đều là năm bảy bài nghe được. Vậy mà gần mười năm nay một làm chỉ được một vài bài mà thôi, thì kể cũng như là không có.

Xin thú thật với mấy ông thợ thơ. Không có, không phải là tại tôi không muốn làm hay không thêm làm, nhưng tại tôi làm không được!

Vậy thì hiện nay, đừng nói tôi không chịu nhận lời khuyên của ông Phạm, dầu cho tôi nhận đi nữa, mà tôi không còn làm thơ được, thì ông mới xử-trị cho tôi làm sao? Đờ, chính cái vấn-đề ở đó rồi.

Lâu nay, mỗi khi có hứng, tôi toàn giờ ra ngâm vịnh, thì cái hứng thơ của tôi như nó lũng túng, chẳng khác nào cái thân của tôi là lũng-túng. Thơ chữ Hán ở? thì ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch, ông

Tổ choan trong đầu tôi rồi. Thơ Nôm ở? thì cụ Tiên-diễn, bà huyện Thanh-quan để ngang ngực tôi, làm cho tôi thờ không ra. Cái ý nào mình muốn nói, lại nói ra được nữa, thì đọc đi đọc lại, nghe như họ đã nói rồi. Cái ý nào họ chưa nói, mình muốn nói ra, thì lại bị những niềm, những vận, những luật bó buộc mà nói không được. Thế ra mình cứ loanh-quanh lẩn-quẩn trong lòng bàn tay của họ hoài, thật đã dễ tức!

Duy-tàn đi! Cái-lương đi!

(Bị bỏ một đoạn dài)

Đại-phạm thơ là để tả cảnh tự-tình, mà hoặc linh hoặc cảnh cũng phải qui cho chơn. Lời thơ cũ của ta, ngữ-ngôn hay thất-ngôn, tuyệt-cu hay tuyệt-thể thì nó bị câu-thức quai. Mà dầu có phóng ra, theo lối thất-cổ, ...

cũng vẫn còn bị câu-thức. Hễ bị câu-thức thì nó mất cái chơn đi, không mất hết, cũng mất già nửa phần.

Tôi nhìn thấy trong thơ ta có một điều đáng bi, là bài nào cũng như bài nấy. Cứ rõ nhau khen hay thì nó là hay, chớ nếu lật lọng xem mà xem, thì chẳng biết cái hay ở đâu.

Bởi vậy tôi rắp toàn bày ra một lời thơ mới. Vì nó chưa thành-thục nên chưa có thể đặt tên kêu là lối gì được, song có thể cứ cái đại-ý của lối thơ mới này ra, là: *Đem ý thơ cũ trong tâm-khảm mình tả ra bằng những câu có vận, mà không phải bó-buộc bởi những niêm luật gì hết. Ấy là như:*

Tình Già

Hai-mươi bốn năm xưa, một đêm vờ gió lại
mơ-mira,
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian phòng nhỏ, hai cái
dầu xanh, kẻ nhau than-thở:
— « Ôi đời ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,
mà lấy nhau hẳn đã không đàng;
« Đờ đến nỗi tình trước phụ sau, chi cho bằng
sớm hieu mà buông nhau? »
— « Hay! Nói mới bạc làm sao thơ? Đùng
nhau làm sao cho khổ? »
« Thương được chừng nào hay chừng này,
chẳng qua ông Trời bắt đời ta phải vậy? »
« Ta là nhân-ngãi, đâu có phải vợ-chồng mà
tình việc thay-chang? »

Hai-mươi-bốn năm sau, tình-cờ đất khách gặp nhau;
Đôi cai đầu đũa bạc. Nếu chẳng quen lung, đó
có nhìn ra được!
Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi!
con mắt còn có đuôi.

Đó là bài thơ tôi làm trước đây vài tháng, mà
tôi kêu là một lối thơ mới đó. Chẳng phải là tôi
hiếu-sự, nhưng vì tôi hết chỗ ở trong vòng lãnh-
địa của thơ cũ, tôi phải đi kiếm đất mới; mà
miếng đất tôi kiếm được đó chẳng biết có ở được
không, nên mới đem ra mà trình chánh giữa làng
thơ.

Chẳng phải tôi là người thứ nhứt làm ra việc
này. Hơn mười năm trước ở Hà-nội cũng đã có
một vị thanh-niên làm việc ấy mà bị thất-bại.

Tôi đại gì lại đi theo cái dấu xe đã úp? Nhưng
tôi tin rằng cái lối thơ của ta đã hết chỗ hay rồi,
dường như một chỗ dẽ-dỏ mà cái vượng-khí đã
tiêu-trảm rồi, ta phải kiếm nơi khác mà đóng đô.
Tôi cảm chắc việc dẽ-xương của tôi đây sẽ thất-
bại lần nữa, nhưng tôi tin rằng sau này có người
sẽ làm như tôi mà thành công.

PHAN KHÔI

**ĐẦU NĂM 1932
CÓ GÌ LẠ?**

CÓ TÂN VIỆT - NAM THƯ - XÃ mới xuất-bản:

1. - VÔ GIA-ĐÌNH

là bộ giáo-dục tiểu-thuyết đã từng dịch ra trên mười
thứ tiếng: Anh, Nga, Đức, Nhật, v.v. Nay mới
dịch ra quốc-văn là lần thứ nhứt. Sách dày ngoài 400
trương, giá 1\$.

2. - TẬP VĂN MÙA XUÂN CỦA ĐÔNG-TÂY

Có nhiều bài hay, hình đẹp, in khéo giá mỗi cuốn 0\$20

3. - ĐÔNG-CHÂU LIỆT-QUỐC

là bộ lịch sử tiểu-thuyết lâu rất có giá trị.
Sách dày 400 trang trọn bộ giá 1\$.

Đại lý ở Namkỳ: Bao quán Phụ nữ Tân văn.
Mua lẻ hoặc mua sỉ xin do nơi Bao quán Phụ nữ
Tân văn. Thơ và mandat mua sách cũng dẽ cho
Phụ nữ Tân văn 48, Rue Vannier Saigon, mỗi bộ
phụ thêm tiền gửi 0\$25; mua hai bộ tiền gửi 0\$40.

HÃY HÚT THUỐC JOB

**Tên quý ngài trúng thưởng 10 xấp
lãnh của thuốc xổ hiệu NHANH-MAI**

Saigon: M^{me} Nguyễn-Út Lợi 115 Rue Richaud.
Giadinh: M. Hồ-quang An Syndicat agricole, Giadinh;
Hainam thợ người dép ở C^o Tramways Gôvápà Giadinh;
Bắc-liên: M. Bành-ai-Việt chez M. Ngô-van-Hiến cô-tê
à l'Hopital. Sóc-trăng: Dương-vân-Hiến propriétaire.
Phan-thiết: Nguyễn-Bê village Hưng-long, canton de
Đức-thắng.

HUE: Nguyễn-khắc-Tư Secrétaire principal de la
Trésorerie. VINH: Bùi-sứ-Tin 76 Bd. l'estenay. Còn
hai xấp lãnh nữa, không biết còn tại nơi tiếm nào,
vì chưa thấy ai trúng.

**PHÒNG KHÁM BỊNH BẰNG MÁY ĐIỆN
Cabinet d'Electro Radiologie médicale
Bác-sĩ Pierre MASSARI**

Xuất thân ở Y-viện Paris

Khi-cụ quang tuyến X kiểu tối tân rất mạnh, có thể
xem thấu các tạng phủ ở trong, và dễ đoán được
bệnh chứng. Trị hầu hết các bệnh bằng sức điện,
dùng khi-cụ tinh-xảo có quang-tuyến (Rayon Infra
Rouges et Ultra violets, Diathermie et Haute Préquen-
ce) và luồng điện.

Khám bệnh sớm mai từ 10h,30 đến 12h.
Bước đến nhà thì sớm mai từ 8h. đến 10h.30
chiều từ 3h. đến 6h.

16 Rue Taberd GIẤY NÓI SỐ 521

KHUYÊN ĐỜI

Dùng văn-tự nhật-báo mà khuyến-
khích đời thì là hay, nhưng cũng chưa
đủ vì xem qua rồi thôi hay chán, ít người
coi trở lại. Dụng việc chơi khi hừng chỉ
có lẽ nghe chơi có ích mà chẳng nhảm.

Ấy là bộ đĩa "MỘT TÂM LÒNG QUÊ"
và "GIÁ TRỊ DANH DỰ"

Trong đó thì ta được nghe nhiều câu
tao nhả ý tứ thâm trầm, chớ không phải
đơn ca trót đĩa như theo lối đĩa trước.

Disca BÉKA

59 Boulevard Charner, Saigon



CHƯƠNG THỨ NHỨT

Sáng-lập và mục-dịch

Điều thứ nhứt. - Sáng-lập một hội, danh-hiệu là
« DỤC-ANH-HỘI », do những bà ký tên dưới đây,
là bà sương-phu NGUYỄN-TRUNG-THU, bà
TRINH-ĐÌNH-THẢO, bà NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN,
bà NGUYỄN-VĂN-NHẢ, bà NGUYỄN-HẢO-CA và
bà CAO-THỊ-CƯỜNG cùng những bà sẽ vào hội
đều ưng-thuận theo điều-lệ của hội đã định.

Điều thứ hai. - Mục-dịch của hội là kiếm tất cả
mọi phương-pháp để giúp-đỡ trẻ-con nhà nghèo.

Điều thứ ba. - Hội - sở tạm đặt ở số nhà 65
đường Massiges, sau ban Trị-sự sẽ chọn và nhứt-
định về việc này.

CHƯƠNG THỨ HAI

Điều thứ tư. - Hội gồm có những viên-chức như
sau này:

- 1) Danh-dự hội-viên;
- 2) Tân-trợ hội-viên;
- 3) Sáng-lập hội-viên;
- 4) Hành-sự hội-viên.

Danh-dự hội-viên thì chọn trong những bà có
thế-lực trong xã-hội, có thể làm cho hội được
phát-đạt thêm lên. Hội-viên danh-dự có quyền dự
nhóm đại-hội-đồng và được bàn-nghị việc hội.

Tân-trợ hội-viên là những người có giúp cho
hội một số bạc ít nữa là năm chục đồng.

Sáng-lập hội-viên là những bà có công lập thành
hội này.

Hành-sự hội-viên là những bà vào hội, ưng-
thuận theo điều-lệ của hội và có ban Trị-sự ưng-
phận cho vào hội.

Điều thứ năm. - Những thư xin vào hội thì gửi
ngay cho bà Hội-trưởng và bà sẽ đưa ra ban Trị-
sự xét coi có thể nhận được hay không.

Điều thứ sáu. - Hội-viên nào cũng được tự-do
xin ra hội, nhưng phải viết thư cáo thối cho bà
Hội-trưởng hay.

ĐIỀU LỆ

DỤC ANH HỘI

Điều thứ bảy. - Ban Trị-sự được phép sa-thải
hội-viên nào:

- 1) Bị án tòa đại-hình hay trưng-trị cũng vậy;
- 2) Có y làm thiệt hại quyền-lợi của hội;
- 3) Không góp tiền cho hội trong ba tháng.

Điều thứ tám. - Thời hạn là bị sa-thải thời không
được đòi lại tiền gì cả, những số tiền đã góp cho
hội thì là thuộc về của hội rồi.

CHƯƠNG THỨ BA

Về việc ban Trị-sự

Điều thứ chín. - Ban cai-quản của hội thì có
những viên chức như sau này:

- 1) Một Chánh-hội-trưởng;
- 2) Một Phó-hội-trưởng;
- 3) Một Chánh-thủ-quỹ;
- 4) Một Phó-thủ-quỹ;
- 5) Một Chánh-từ-hàn;
- 6) Một Phó-từ-hàn;
- 7-8-9-10) Bốn viên Cố-vấn.

Điều thứ mười. - Hội-viên ở ban Trị-sự thì phải
người đứng tuổi thành-nhơn mới được. Đặc cử
hội-viên ban Trị-sự là trong khi nhóm đại-hội ban
cử và phải được đại-da-số tiếng thăm. Mỗi khi
bầu-cử thì được bỏ thăm kín hay là cử tay lên.
Bỏ thăm vào bao thơ gói đi cũng nhân. Nếu không
đủ số thăm phải cử lại. Bỏ thăm ký thì cũng nơi
trong một buổi nhóm đó. Lần này, hề ai được số
thăm trội hơn thì đắc cử.

Nhưng khi nào có nhiều người dự tranh mà
được số thăm bằng nhau, thời ai lớn tuổi hơn
được đắc cử.

Điều thứ mười một. - Nếu có một hội-viên nào
ở ban Trị-sự qua đời hay thôi, thời ban Trị-sự
được quyền cử tạm người thay thế, chớ đến khi
cử lại ban Trị-sự mới.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Chức-trách của ban Trị-sự

Điều thứ mười hai. - Chánh-hội-trưởng thì làm
đại-diện cho hội đối với các sở công tư chẳng hạn.
Coi chừng và xem xét sự hành-vi của hội cho

được dùng theo điều-lệ và những điều đại-hội đồng đã quyết-định; điều-dinh những sự cai-cố giữa hội và giữ trật-tự mỗi khi nhóm. Trong khi bầu cử nếu nhiều người được số thăm bằng nhau thì sự chọn ai được là tư-quyền của bà Chánh-hội-trưởng.

Điều thứ mười bốn. — Phó-hội-trưởng thì phụ sự cho Chánh-hội-trưởng và thế quyền trong khi bà Chánh-hội-trưởng vắng mặt.

Điều thứ mười bốn. Phần-sự của thủ-quỹ là lo thầu tiền cho hội, đại-khai là nhận các món tiền thuộc về của hội, cho biên-nhận chắc-chắn lấy trong cuốn sổ biên-lại có phần đối-chiếu, và trả các món chi-phí cho hội.

Thủ-quỹ phải có sổ sách kê-toán và mỗi khi ban Tri-sự nhóm cuối tháng thì phải làm tờ trình về tình-hình tài-chánh của hội để ban Tri-sự xem xét và phê-chuẩn cho.

Thủ-quỹ thì phải chịu trách-nhiệm về quỹ của hội. Mỗi món tiền gì thì phải có phép của bà Chánh-hội-trưởng hay là bà Phó-hội-trưởng cho mới được.

Thủ-quỹ phải có:

1) Một cuốn sổ danh-danh những hội-viên, ngày nào vào hội hay ngày nào thôi hội;

2) Một cuốn sổ thầu xuất, trong có danh số thứ-tự và có Chánh-hội-trưởng ký-chứng. Những số thầu hay xuất thì phải liệt-biên vào sổ ấy và phải tính mỗi kỳ ba tháng, hoặc trước khi ban Tri-sự mãn hạn;

3) Một cuốn sổ biên-nhận có phần đối-chiếu để biên-nhận tiền-góp và các món thầu khác.

Mỗi khi ban Tri-sự cần đến, thì thủ-quỹ phải trình sổ sách ngay để ban Tri-sự tiện bề xem xét. Chánh-hội-trưởng cũng có quyền hỏi coi sổ sách tức-thời, bất luận là lúc nào.

Cuối năm thủ-quỹ phải làm tờ trình các công-việc thuộc về tài-chánh của hội mà mình chịu phần trách-nhiệm để trình cho đại-hội-đồng.

Điều thứ mười lăm. — Phó-thủ-quỹ thì giúp tay cho chánh-thủ-quỹ trong việc làm sổ sách đứng cho trẻ-nãi và thay thế chánh-thủ-quỹ trong khi hạn-việc hay vắng mặt.

Điều thứ mười sáu. — Từ-hàn thì phải làm biên-bản mỗi kỳ ban Tri-sự hay đại-hội-đồng nhóm; chuyên về thơ từ của hội; phải có một cuốn sổ để biên-ngày gửi thơ đi hay nhận thơ lại; một cuốn sổ để biên tài-sản của hội và một cuốn sổ ghi tên các hội-viên.

Điều thứ mười bảy. — Phó từ-hàn thì để thay quyền chánh từ-hàn trong khi bà này hạn-việc hay vắng mặt.

Điều thứ mười tám. — Cố-vấn hội-viên thì được quyền tham-dự những cuộc bàn-nghị của ban Tri-sự và lấy sự kinh-nghiệm của mình mà giúp ích cho công-độc của ban Tri-sự làm.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Ban Tri-sự và Đại-hội-đồng hành-sự

Điều thứ mười chín. — Ban Tri-sự thì thường lệ nhóm mỗi tháng là một kỳ, hay là mỗi khi có bà Chánh-hội-trưởng hay phần-đồng hội-viên mời nhóm.

Trong những khi nhóm như vậy thì ban Tri-sự xem xét và thị-nhiệm những số-chỉ-tiêu cần-kíp mà chánh-thủ-quỹ phải thi-hành, nhưng mà số-chỉ-tiêu ấy không được quá số hai chục-đồng. Trên số đó thì phải có phép ban Tri-sự cho mới được liệu.

Nếu có sự cần-gấp thì bà Chánh-hội-trưởng cho phép được đến nhà tư-đề hỏi ý-kiến của bà.

Những điều bàn-nghị mà gọi được là đúng theo phép là khi nào có đại-đa-số hội-viên hiện-diện.

Mỗi khi hội nhóm thì phải lập tờ kết-chứng và phải có hai bà Chánh-hội-trưởng và Từ-hàn cùng ký tên.

Điều thứ hai mươi. — Những hội-viên của hội thì được mời nhóm đại-hội một năm là một kỳ, hầu:

1. — Nghe bà Chánh-hội-trưởng đọc tờ-trình tình-hình của hội;

2. — Bàn-nghị những điều hội-trợ xin-sửa cải-điều-lệ hoặc những vấn-đề nào có ích chung cho hội;

3. — Kiểm-soát và phê-chuẩn sổ-sách của thủ-quỹ trình;

4. — Cử lại ban Tri-sự.

Điều thứ hai mươi một. — Bà Chánh-hội-trưởng được mời nhóm đại-hội-đồng bất-thường hay là có một phần tư hội-viên hành-sự xin cũng được. Theo lẽ đó thì chỉ được bàn-cải những vấn-đề hội-định nhóm ngoại-lệ để bàn mà thôi.

Điều thứ hai mươi hai. — Chương-trình đại-hội-đồng thì phải định theo tờ mời nhóm gửi trước ít-nửa là bảy ngày.

Những điều bàn-nghị ở đại-hội-đồng mà được đúng theo phép là khi nào có ít-nửa là phần-nửa hội-viên hành-sự dự-hội. Nếu hội-viên hiện-diện không được đủ số làm phần-đồng, thì phải nhóm lại một kỳ thứ hai; kỳ nhóm này thì không còn phải cần đến số phần-đồng.

Điều thứ hai mươi ba. — Những vấn-đề do ban

Tri-sự hay đại-hội-đồng quyết-nghị thì phải được đại-đa-số tiếng-luân ưng-thuận mới thiết-hành được.

Những tờ biên-bản thuộc về phiên-nhóm đại-hội-đồng thì phải có hai bà Chánh-hội-trưởng và Chánh từ-hàn cùng ký tên.

CHƯƠNG THỨ SÁU

VỀ TIỀN BẠC CỦA HỘI

Điều thứ hai mươi bốn. — Tiền bạc của hội gồm có:

1) Tiền-góp và tiền-đóng vào hội của hội-viên hành-sự;

2) Của-bà-lãnh-cho, của nhà-nước, cấp, cùng các việc từ-thiện khác;

3) Tiền-bạc của hội cho vay sanh-lợi.

Những tờ kê-kho cho hội mà giá trên 50\$ thì phải có phép quan Thống-độc cho mới nhận được.

Điều thứ hai mươi lăm. — Chánh-thủ-quỹ không khi nào được để-tiền trong kết-quả số 100\$. Nếu có số-tiền nhiều hơn số đó thì phải chọn danh-hội mà gửi-tiền ấy trong một nhà-ngân-hàng nào ở Saigon hay là ở kho-Tiết-kiệm.

Lấy tiền ra ở ngân-hàng hay ở kho-Tiết-kiệm thì phải có ban Tri-sự định-cho, lấy theo mỗi khi cần dùng hoặc nhiều hay ít, và phải có Chánh-hội-trưởng và Chánh từ-hàn cùng ký tên mới được.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Tiền đầu và cách-góp

Điều thứ hai mươi sáu. — Được nhận vào hội rồi, thì hội-viên hành-sự phải trả:

1) Tiền-nhập-hội-định là 10\$;

2) Tiền-góp tháng-định là 1\$.

Điều thứ hai mươi bảy. — Khi được nhận vào hội rồi thì phải đóng liền tiền-nhập-hội. Tiền-góp tháng thì hệ hội-viên vào hội trong tháng thì kể là thiếu-trộn tháng.

Điều thứ hai mươi tám. — Tiền-góp tháng thì hội-viên phải đóng mỗi tháng trước ngày 10 tây. Tuy vậy, hội-viên được tự-y đóng trước một lần nhiều tháng-góp.

Điều thứ hai mươi chín. — Đóng tiền vào hội hay là tiền-góp thì có biên-lai bà Chánh-thủ-quỹ ký-nhận, do cuốn sổ biên-lai có phần đối-chiếu, có danh số thứ-tự và có dấu ký-chứng của bà Chánh-hội-trưởng.

CHƯƠNG THỨ TÁM

VỀ SỰ SỬA ĐỔI ĐIỀU-LỆ VÀ GIẢI-TÁN

Điều thứ ba mươi. — Chỉ có đại-hội-đồng mới được phép sửa-đổi bản-điều-lệ này. Điều-lệ nào có

sửa-cải mà thiết-hành được là khi nào có nhà-nước chuẩn-y cho mới được.

Điều thứ ba mươi một. — Hội được tự-giải-tán khi nào quỹ-hội bị thiếu-khuyết.

Điều thứ ba mươi hai. — Có thể ra hội được là khi nào có đại-hội-đồng nhóm ngoại-lệ để quyết-định và phải có Chánh-phủ chuẩn-cho mới được.

Tiền-bạc của hội trong khi giải-tán, đại-hội-đồng định cho dứt-hội-phước-thiện nào cùng một chủ-nghĩa với hội này, trừ ra khi nào quan Thống-độc Nam-kỳ không chịu-cho thì thôi; điều-quyết-định như vậy của đại-hội-đồng thì cần phải có quan Thống-độc chuẩn-y cho mới là đúng-phép.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Kiểm-soát và lệ-luật trong hội

Điều thứ ba mươi ba. — Bà Chánh-hội-trưởng ban Tri-sự phải cho Chánh-phủ hay trong kỳ ba tháng về sự-chấn-chỉnh việc cai-quản-hội và phải trình-sổ sách-giấy tờ kê-toán, để cho vị-quan-lai nào của nhà-nước phải đến tra-xét.

Tờ-trình hằng năm và sổ sách-giấy tờ thì mỗi năm phải đệ lên Chánh-phủ xem-xét.

Điều thứ ba mươi bốn. — Chánh-phủ có quyền phải người đến những sở-Dục-ảnh của hội lập ra để quan-sát sự hành-động của các sở-ấy.

Điều thứ ba mươi lăm. — Các lệ-luật trong hội do ban Tri-sự soạn ra, và có đại-hội-đồng ưng-thuận, thì phải có quan Thống-độc Nam-kỳ chuẩn-y mới thiết-hành được.

Làm tại Saigon, ngày 6-Novembre 1931.

Ban hội tam:

Hội-trưởng ký tên: NGUYỄN-TRUNG-THU

Từ-hàn ký tên: NGUYỄN-ĐỨC-NHƯẬN

Thủ-quỹ ký tên: TRỊNH-ĐÌNH-THẢO

Chứng-chắc các dấu ký tên của những bà Ng.-trung-Thu, Trình-đình-Thảo, Nguyễn-Nhượng, Nguyễn-v-Nhà, Nguyễn-hào-Ca và Cao-thị-Cường, ký bên đây.

TRƯỞNG-BAN

Ủy-viên Thành-phố

Ký tên: RIVOAL

CHUẨN-Y

Saigon, ngày 7-Novembre 1931.

Quan Thống-độc

Ký tên: KRAUTHRIMER

NỮ-CÔNG

TABLIER THÊU KIỂU CON CHUỒN-CHUỒN



Fig. 1

Trẻ em, từ ba bốn tuổi sắp lên năm sáu tuổi thì cần phải có một vài cái khăn ăn để đựng mang trước ngực nó trong khi ăn uống cho khỏi dính đồ ăn đồ dầu vào áo trong. Ni lặc do cho vừa theo thân mình em bé (tùy theo vóc giạc của mỗi đứa) cổ thì cắt rộng hơn cổ nó một chút, còn bề dài thì cắt vừa theo bề cao thân mình chớ đừng cắt dài hơn nữa coi lượt-buợt lăm. (Coi hình số 1)

CÁCH THÊU :

Con chuồn-chuồn này thêu point de croix ; cứ giữ ngay theo canh chỉ mà thêu chớ không cần phải vẽ. Bắt đầu thì để mũi kim bên tay mặt rồi may qua phía bên tay trái, kể mũi kim thứ nhì thì may bên tay trái qua tay mặt (coi hình số 2) rồi cứ noi theo cách đó mà thêu hoài ; nếu thêu ngược thì thành ra sai cách.

CÁCH ĐÈ MÀU :

Thân mình thêu màu xanh sẫm.

Hai con mắt : màu đỏ sẫm.

Râu : màu vàng.

Hai cái cánh : màu hường hay màu bóng phấn.

Kiểu này thêu hăng chỉ « Brillanté d'alger » thì giặt mấy cũng không bay màu.

THANH-THUY

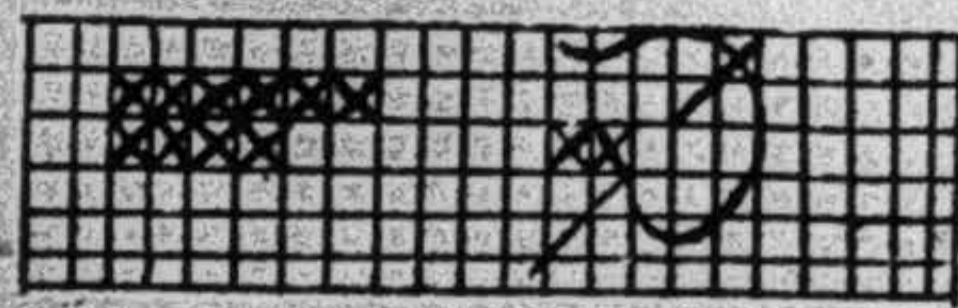
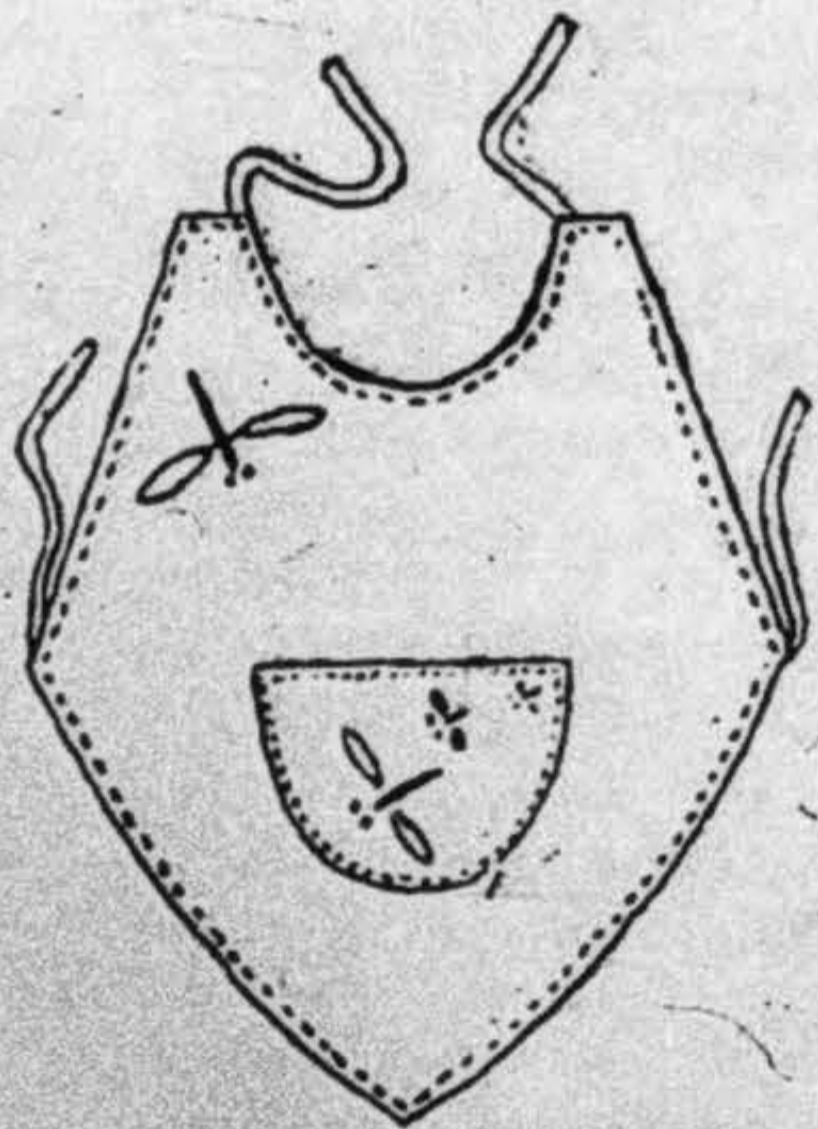
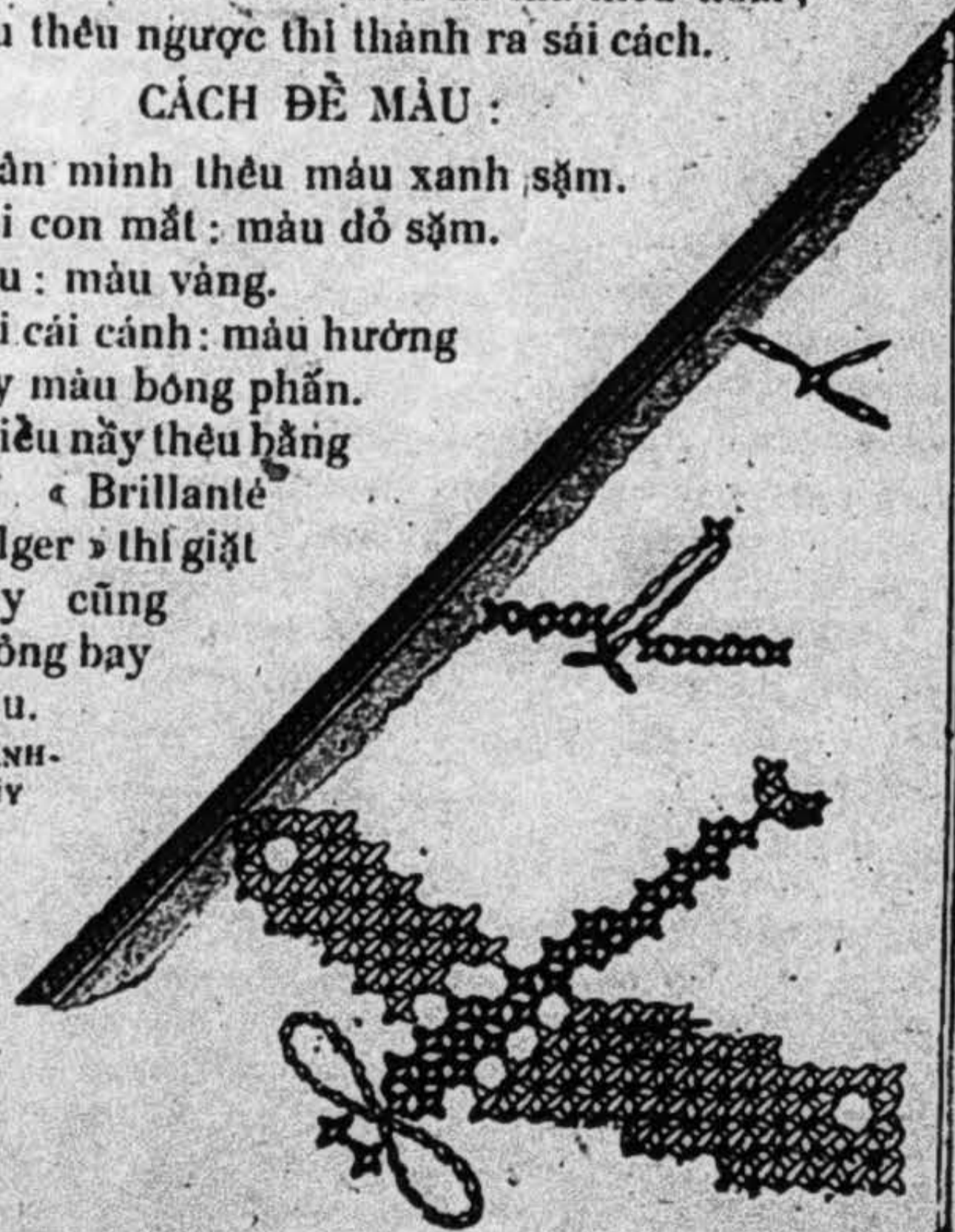


Fig. 2



LÀM TRƯỚI (tré)

Bí đao, chẻ từng miếng, cao sạch vỏ xanh (đừng gọt vỏ cứng đi), rửa sạch, đem xắt thiệt mỏng, bỏ muối vào bóp vắt cho hết nước, rửa lại nước lạnh, cũng vắt cho ráo nước. Nấu nước sôi, bỏ vào một chút phen sa, đổ bí vào trở đều, nhắc xuống và đổ ra liền, đừng để chín không được. Bây giờ phải mạnh tay mà vắt bí cho thật khô.

Liệu chừng 3 tộ bí thì 1 tộ nấm mèo, 1 tộ phù-chức (thứ này nướng rồi dầm nước cho mềm và xắt nhỏ), 1 chén dầy thơm, 1 chén dầy phụng khử chín, 2 phần chén riêng xắt nhỏ, 3 muỗng đường, 3 muỗng tiêu, muối thì liệu bỏ cho vừa.

Hết thấy các món ấy trộn với bí cho đều, nếu có lá đinh-lăng non hái bỏ vào mà trộn thì càng thơm và ngon. Gói cũng dùng lá vòng non trong, lá chuối ngoài. Làm bữa nay mai ăn được, hoặc khi đang trộn để gói, cũng có thể dùng ngay được.

Có NIÊN-PHONG

THỊT VỊT NẤU CỎ CẢI

Con vịt nhỏ lông sạch sẽ, mổ ruột sạch, lấy 3 muỗng mỡ hay là 3 muỗng beurre (hề bỏ mỡ thì đừng bỏ beurre, bỏ cả hai thứ thì béo quá) nửa litre nước lèo (bouillon), 1 gói lá thơm, 4 cái củ cải, lựa thứ thiệt chắc, 3 muỗng bột mì ngang.

CÁCH LÀM :

Đề beurre cho tan ra (hay là mỡ) chum lửa ít, đề thịt vịt vò (đừng đay) trở cho thịt vịt vàng đều, trong lúc chờ cho vịt vàng, thì chẻ củ cải ra làm tư, cắt làm hai khúc, chườc cho tròn, đừng rửa. Bắc nước sôi bỏ củ cải vò lược mười phút, vớt ra bỏ vò trong cái thao nước lạnh rửa rồi vớt ra lấy khăn chặm cho kỹ cho ráo nước, lấy 3 muỗng beurre hay mỡ cũng được, ram củ cải cho vàng, bỏ vò một chút xiu đường, ram cho nó bắt hơi đỏ củ cải, vớt ra để cho củ cải ráo mỡ ; trong lúc làm củ cải phải thăm chừng hề vịt vàng thì vớt ra. Bỏ bột mì vò trong mỡ ram vịt, bớt lửa để cho bột vàng, chế nước bouillon vò đề chừng một muỗng sauce cà tomate, và tiêu, để lửa nhiều, phải khuấy bột hoài, để vậy 10. phút hớt bớt mỡ trên mặt xong rồi lược cái nước sauce bột mì đó qua cái soon sạch, rồi để sauce cho sôi, đề con vịt vò, lấy miếng giấy sạch thoa beurre đắp lên phía trên con vịt cho nó khỏi khô. Bớt lửa vừa vừa để cho sôi, trong nửa giờ, bỏ vò một chút rượu Madère (chừng một ly nhỏ rượu) như không có Madère thì Cap-Corse hay là Quinquina cũng được. Coi vịt mềm vớt ra đĩa, sắp củ cải chung quanh, vớt lá thơm bỏ, để muối cho vừa ăn, còn vịt muốn chặt ra làm mấy miếng tùy ý, đổ sauce lên trên vịt và sắp củ cải chung quanh.

Như muốn nấu olives thì mua chừng 1 các trái olives về chẻ bỏ hạt, ngâm cho bớt mặn rồi bỏ vò sauce thế cho củ cải chớ cách nấu cũng y nhau.

BÀO NGƯ TÌM THỊT GÀ

Mua 3 con bào-ngư khô về kỹ rửa cho thiệt sạch, ngâm một đêm, sáng ra làm một con gà giò rửa sạch, chặt ra từ miếng, bào-ngư để nguyên con, lấy cái thố hay là cái soon có nắp thiệt kín, đổ nước vò cho ngập bào ngư và đổ vò 1 muỗng úc canh rượu trắng, chưng cách thủy, chừng nào bào ngư mềm vớt ra xắt miếng vừa ăn, bỏ thịt gà vò chung mà tiêm nữa cho thịt gà mềm, nhất xuống nêm một chút nước mắm tàu-yêu và một chút muối. Chừng dọn lên ăn, dọn bào-ngư và nước, xác thịt gà không dọn, để vò chút ngò chút tiêu cho thơm.

GÀ HỒN

Gà chặt ra ướp sả ớt, bỏ vò nửa trái dừa nấu cho sặc cho vàng thịt gà. Măng tươi gọt lấy cái non rồi cắt khúc để vò gà, nấu chung cho sặc nước vừn vàng gà vàng măng để nước sôi nấu lại cho nước còn vừa ăn, để lửa riêu riêu.

Liệu nước cạn còn vừa đủ ăn nêm nước mắm, măng gọt rồi lược tiêng cho hết nước đắng sẽ bỏ nấu lộn với thịt gà, như mua không có măng tươi thì thế đầu thơm cũng được. - Bà 1.Đ.7.



VAN UYEN

Mảng thảng báo hại

Chặt đất, hao cơm, báo hại đời,
Mày râu chẳng biết thẹn cùng ai!
Ăn no bụng, thể là di ngư,
Ngủ chán mắt rời, dậy lại chơi.
Chè rượu, bạc bài, tral gái dủ,
Say-sưa, gian-giảo, điếm-dàng, ôi!
Sống mà như thể thôi đứng sống,
Chặt đất, hao cơm, báo hại đời.

Nhớ ai

Nam, Bắc, từ ngày cách dặm khơi,
Nhớ thương, thương nhớ mải không
người.
Cái chân, cái gót, khi đi dừng,
Khuôn miệng, hàm răng, lúc nói cười.
Đến nỗi bóng mình không ngỡ bóng,
Lại nghe âm bóng tưởng âm ai.
Gương án, gương ngó, mong mà
sống,
Sống để mà mong gặp mặt người.

NGUYỄN-VĂN-VĨNH

Qua rạch Đồi-ma (Góc công)

Trái qua Rạch-Kiến ác chính-chính,
Nghe nói Đồi-ma bắt lạnh mình.
Thảm nỗi cơn nhà sanh chẳng thảo,
Ngán cho giọt nước rất không tình.
Sống thể tuy vẹn duyên «kính-cái»,
Thác gỏi chưa đành chốn «thủy-tinh»
Ai hỏi hèn thiếng như có biết,
Tiếng đời theo lượng sốn linh đình.

Cú-lao «ông Chương»

Nơi đầu tôi công tự thuở giờ,
Cú-lao «ông Chương» đó tro tro,
Xanh um mây cụm bản theo bãi,
Trắng xóa hai bên sóng phủ bờ.
Người chết nhang đèn đêm vẫn tỏ:
Tên còn tre lụa nét khôn mờ.
Ngàn thu trở xuống nhưn ơn sót,
Châu-đốc, Nam-vang có phủ thờ.

Đề ảnh truyền-thần

Khẹn cho nét bút của đơn thỉnh,
Khéo điếm tô chung một tấm hình.
Vít đóc người ngồi đương mắt ech,
Khoanh tay kẻ đứng tở lòng đình.
Tủi cơm giá áo tuy như nộm,
Một nước sâu dân cũng có tình.
Nếu được gương trời soi sáng sửa,
Da đen mặt nám hóa xinh xinh.

THƯỢNG-TÂN-THI

Xem hoa cảm tác

Chôn vườn hoa hột sương tở điêm,
Đóa hoa cười càng đơm càng tươi.
Ngắm hơn mà lại xót đời,
Khóc hoa bạc-mệnh mà người khác
chỉ t

Mới lúc nào đang khí ráng-trắng,
Chẳng bao lâu ráng trắng, bạc đầu.
Đời người như bóng bạch-câu,
Thoát qua cửa sổ, biết đâu mà tìm.

Xuân đi tở bóng chim tăm cá t
Chẳng bao xuân mà đã về già.
Cành dầu bóng xế tà tà t
Tuổi xuân đi mất biết là về đâu t
Bốn phương thấy một màu mây
trắng,

Trông non sông thờ vãn than dài.
Đời người hương-thọ mấy mươi?
Trăm năm, thấy được mấy người
vẹn trăm?

Trên bề khổ khi trăm khi nổi,
Tợ mây tan, gió thổi, mưa tuôn.
Cuộc đời giấc mộng hoàng-lương,
Bỏ-dầu, dầu-bể, tan-thương nhuộm
màu.

Sống trên trần thêm đau thế-sự,
Nhưng cũng liều sống thờ xem sao.
Trăm năm kia có lá bao t



Chùa Hoảng

Chùa không sự, tụng cảnh buồn teo,
Xác phật còn đây chuỗi phát dàu?
Réo-rác cảnh thông thay tiếng kệ,
Lộp-loè bóng đóm thể đèn treo.
Hương rầu khô lạnh, năm ngổ ngác,
Vách chán đêm suông đứng dài-dầu.
Thế càng tro gan, càng tuế-nguyệt,
Trước thềm khoắc, khoải động
quyên-kêu.

P. T. (Qui-nhơn)

Họa vắn

Mái dột tường rêu, cảnh vắng teo,
Hỏi thăm sự-cụ bỏ đi dàu?
Bụi lồi cốt đất leo-ngheo đứng,
Hoảnh, lợt màu sơn, lổn-không, treo.
Củ vọ hôm mai khua trống mõ,
Mây mưa ngày tháng, cũng hương
đầu.

Tro tàn cửa phật trống buồn-hà,
Góc thị còn thêm dong cước kêu!

Lữ cảm

Đêm sao khéo về nơi thương tâm,
Xui khách tha hương ruột rối tâm.
Gốc nủ ngưng trông mây, kéo phủ,
Đầu cây muốn lẳng gió khồn cầm!
Giọt sầu, chừa ráo, cơn mưa ngớt;
Đoạn thâm còn khêu, đọng để ngấm.

Tình cảnh, ngân, ngóc, nạm, biếng
nhấp,
Đài sen nổi sập triển thêm trầm...

Hương-sơn tức cảnh

Trời tây bóng ác gát chính chính,
Qua đình Hương-sơn chỉ một mình.
Đá trọi cây cùn nhiều thăm-dạm;
Đồng không móng quanh cảnh buồn
tanh.

Xưa sao rộn-rực đường xe ngựa?
Nay lại thờ-ơ dấu lối, thành t
Ba thước gươm trần ai đó là?
Hồn thiếng có thấu đá thờ-sanh.

Q. T. (Dạlat)

TIN TỨC TRONG NƯỚC

Tàu Đồng-sanh chìm.

Hồi một giờ khuya đêm 26 rạng mặt 27 Février, chiếc tàu Đồng-sanh của ông Huỳnh-bá-Phước ở Cholon, đưa đường Băclieu-Saigon, vừa ra khỏi Bêntre, gần đến Mytho, thì chìm. Trên tàu có hơn trăm hành-khách, phần nhiều là nam nữ học-sinh đi tựu trường, phải chết chìm trong cái nạn ấy, chỉ vớt được có hơn 30 người thôi.

Nhiều người nói khi tàu đến chỗ ấy, sóng lớn gió to, mà tài-công chánh lại mải ngủ để cho tài-công phụ coi lái, song kết ra thì tàu chìm không phải vì hai cơ ấy, mà lại cái cơ tàu nhỏ lại chỗ đóng người quá luật định, nên gặp sóng lớn tàu phải chìm.

Trong số người chết có viên cô tàu, người ta lại nói chuyện ấy có ông chủ tàu là M. Huỳnh-bá-Phước đi nữa, song chẳng biết ông có thoát nạn được chăng?

Lính Đông-dương qua Thượng-hải.

Tình hình chiến-tranh ở Thượng-hải mỗi ngày một nghiêm-trọng, ấy là một điều đáng lo cho sự an-đôn ở lộ-giới liệt-quốc. Bởi vậy, theo tin các báo, thì Chánh-phủ Đông-dương sắp cho một đạo binh qua Tàu, đạo binh ấy gồm có lính Tây và lính tập Bắcký.

Rút bớt lính Bắcký mà cho qua-Tàu thì cũng có chỗ bất tiện cho sự phòng-bị ở bên-xứ, bởi vậy có tin nói rằng nay mai sẽ có một toán lính ở bên Pháp sẽ qua châu, vào đạo binh ở Bắcký cho khỏi thiếu số.

Đông-bào ta cứ vững bụng.

Vừa hay cái tin ông De Chappedelaine được lãnh chức Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa, thế cho ông Reynaud qua bộ Hình, quan Toàn-quyền Pasquier liền đánh điện-tin về chức nhiệm quan Tổng-trưởng mới. Sau khi được điện-tin ông Pasquier, ông De Chappedelaine liền trả lời, nói rằng ngài sẽ hết lòng binh vực quyền lợi cho Đông-dương, bởi vì những quyền lợi ấy nó vẫn trực tiếp quan-hệ với quyền lợi của nước Pháp.

Đồng thời quan Hình bộ Tổng-trưởng kiêm phó Thủ-tướng là ông Reynaud, cũng có gởi cho quan Toàn-quyền Pasquier một bức giấy-thếp nói rằng tuy ngài đã từ giã bộ Thuộc-địa mặc dầu, nhưng ngài cũng sẽ hết lòng binh vực cho Đông-dương ở giữa Nội-các và nghị-viện.

Một tiếng nói 4 chiêm.

Bắt đầu từ ngày 20 Février 1932, nhà nước láng giềng nói là bốn sự chờ không phải ba sự như trước nữa, và mỗi cái giấy-thếp giá phải từ hai các bạc sập lên một được.

Độc-giá nên biết giấy-thếp mà chúng tôi nói đây là giấy-thếp đánh nội trong cõi Đông-dương ta đó.

Nữ phi-công A-lơ-măng.

Hồi tháng Août năm ngoái, cô Margo von Elzdorf là một nhà nữ-phi-hành rất có danh tiếng bên A-lơ-măng, đã bay từ Berlin qua Tokyo, và tình do theo con đường phía Bắc mà trở về, nhưng nửa chừng lại gặp việc lộn xộn xảy ra ở Mãn-châu và Thượng-hải, thành thử cô phải đáp tàu từ

Tokyo sang Hongkong rồi cất cánh bay từ Hongkong do theo đường Đông-dương và Ấn-độ mà trở về nước Đức. Cứ theo tin này thì có lẽ nay mai cô Margo von Elzdorf sẽ ghé viếng Saigon ta vậy.

Vụ tên Hậu giết người.

Năm ngoài, vì giành mỗi xe hơi tại bến xe đò Diên-hóa, mà xảy ra vụ án mạng, tên Hậu, sếp-phơ xe thơ chạy đường Diên-hóa-Baria giết chết một tên lơ xe đò khác, cũng chạy con đường ấy.

Bữa ra tòa Đại-hình mới rồi, tên Hậu chịu có lỗi tay giết người, có Thầy-kiện bào chữa, rồi cuộc tòa kêu án Hậu 2 năm tù và 300\$ tiền thiệt hại.

Giúp cho quê-hương.

Trong lúc Nhứt-bồn cùng Tàu giao-chiến tại Thượng-hải, người Huê-kiều ở Namkỳ có chung đụu nhau lại được một số bạc 12.000 đồng, gởi về giúp cho chánh-phủ họ. Số bạc ấy đã gởi cho một nhà ngân-hàng ở Hương-cảng nhờ chuyên giao cho chánh-phủ Tàu.

Cái lòng yêu nước của Huê-kiều cũng đáng khen thay.

Trường học bị đóng cửa.

Nội tháng Février rồi, ở Cànhtho có đến 10 cái trường học của người Huê-kiều bị đóng cửa.

Những trường này là trường tư, do người Huê-kiều chung đụu tiền bạc mà lập ra để cho con cháu họ học chữ Tàu, nhưng không biết vì cơ gì mà phải đóng cửa.

Saigon có 2 chiếc tàu binh.

Ngày 27 Février, có 2 chiếc tàu lặn tên Joessel và Fullon đến Saigon. Hai chiếc tàu này ở Bizerte (Tunisie) hồi tháng Novembre 1931 chạy qua đây, bữa 27 Février, mới tới.

Mỗi chiếc tàu dài 74 thước, sức chạy trên mặt nước 17 hải-lý (nauts) dưới mặt nước 10 hải-lý. Hai chiếc tàu này sẽ ở luôn tại Saigon, và đụu tại bến tàu lặn gần bên sở Bason, vì ở đó nhà-nước có cất dinh trại sẵn cho thủy-quân ở.

Khách quý của Đông-dương.

Bữa 27 Février, Hoàng-tử nước Belgique là Tử-tước Brabant và phu-nhơn đã đến Banhoueissai (thượng du Lèo) để đi du-lịch và săn bắn cùng khắp xứ Đông-dương. Vừa hay tin ấy quan Toàn-quyền liền cho quan hầu của ngài lên tận nơi để rước hai vị khách quý về Hanôl.

Quan Toàn-quyền tiết kiệm nữa.

Trong lúc có nạn kinh-tế, quan Toàn-quyền Pasquier thật là lo tiết-kiệm đủ điều: Bớt lương quan-lai, bớt tiền giấy mực trong các văn-phòng, bớt tiền tiếp-khách của các quan, v. v... thế mà mới đây quan Toàn-quyền lại ghé mắt vào các sở Sơn-dâm, sở Cảnh-sát nữa.

Ngài ra một cái nghị-định dạy từ nay về sau, những người trong hai sở nói trên, không còn được xài xe-hoi Nhà-nước như xưa nay vậy nữa.

⊗ Nạn xe-hơi ghé ở Hanôï.

Bữa 13 Février, một cái xe nhà hiệu Citroën T.3856 trên xe có 6 người ngồi, do M. Ngô-quang-Túc cầm tay bánh, chạy đến trước ga Văn-diên, cách Hanôï chừng 5 cây số đụng nhằm cái xe đồ, ngã tuốt xuống mé lộ.

Hai người đàn-bà một người là Ng-thị-Bao vợ M. Minh, làm ký-lục ở sở Brasseries Hommel, một người là Ngô-thị-Tích, 18 tuổi, con gái ông Túc, văng ra ngoài đụng nhằm trụ giầy-thép chết tươi.

Cò người nói sự rủi ro này lời tại sớp-phơ xe đồ là Nguyễn-văn-Cal, nên tên ấy đã bị bắt.

⊗ Có giáo hút á-phiện?

Mời rồi có người mạch, Tào-cáo đến xét nhà có giáo dạy ở trường Tân-uyên (Biên-hòa) có bắt động một mớ á-phiện, nhựa, bàn đèn và vài cái ống hút.

Dem thuốc ấy về Biên-hòa, xét ra mới biết là thuốc nấu, nghĩa là lấy nhựa mà nấu ra thuốc, nên Tào-phạt có giáo 50 đồng, song cho có lãnh « đồ chơi » kia về mà dùng.

⊗ Chín chớ không phải mười.

Quan Tổng-trưởng Bưu-điện có cho hay rằng kể từ ngày 1^{er} Mars đến đây, máy bay đường Marseille qua Saigon chỉ 9 ngày là tới chớ không phải 10 ngày như trước nữa.

Muốn cho thơ từ gửi đến Bắcký, Trung-hoa, Văn-nam và Quảng-tây khỏi trễ nãi, thì sau khi máy bay ở Marseille qua tới Saigon, sở Bưu-điện sẽ cho một chuyến xe tốc-hành ở Saigon chạy ra Tourane, Huế, Vinh, Hanôï để chở các bao thơ ấy đi.

Hận trở về Marseille, máy bay sẽ cất cánh nhằm bữa thứ sáu, thì chúa-nhật tuần sau là đã đến nơi, tính ra cũng chỉ có 9 ngày.

⊗ Bỏ chớ theo trai.

Ông K. ở đường Larclauze Saigon, vợ là một người thợ kỹ đánh máy ở nhà hàng Pháp-Hoa, hai vợ chồng có một đứa con nhỏ. Mấy năm nay ông K. cần kiệm để dành được 180.000 quan, gởi cho hãng Poincard Veyret 100.000 quan, Pháp-Hoa ngân hàng 60.000 quan, và 20.000 thì cất ở nhà.

Đối với nạn kính-tể người Thương-gia cần phải cần thận

Cần thận cách nào?

Cần thận trong việc biên chép sổ sách: Mỗi ngày phải biết rõ cuộc buôn bán của mình lời hay lỗ, tấn hay thối.

Hãy đọc cuốn sách

Phép biên chép sổ sách buôn bán

của **M. ĐỒ-VĂN-Y**

Quản-lý công-ty An-hà An-quan CANTHO-Cochinchine

Mua ở và ở: Do nơi tác-giả.

Giá mỗi cuốn 15

Bộ bạn thân thiết của vợ chồng ông K. thì có M. L. giúp việc một hãng buôn lớn ở Saigon, đã có vợ và 3 con nhỏ.

Gần đây ông K. tính dắt vợ con về Pháp, nên có làm một tờ thể mặt (procuration) đưa cho vợ đến 2 chỗ gửi bạc kia để lãnh tiền ra. Ai ngờ mẹ nọ đã có trai gái với tên L. hồi nào, khi lãnh được 160.000 quan, liền về nhà lấy thêm 2.000\$, đồ nữ-trang, một khẩu súng lục rồi trốn theo tên L. chỉ để lại cho chồng có một cái thơ nói chuyện bứt lình và một đồng rưỡi bạc!

Hay tin ấy ông K. đi kiểm cặp gian phu, dâm phụ hết hơi mà không có, tức mình mới lấy dao cắt gân tay cho máu chảy hết đi để chết cho rãnh. Bọn bồi bếp hay tin ấy, liền chớ ông vô nhà thương Đôn-dắt, thầy thuốc nói còn cứu được, chẳng hề gì.

Còn cặp kia đi đâu? Có người nói có lẽ đêm 27 Février chúng đã nhảy xuống tàu mà đi Hải-phòng.

⊗ Tàu binh I-ta-li ghé Saigon.

Hồi 11 giờ rưỡi trưa ngày thứ hai 29 Février có một chiếc tàu binh của nước I-ta-li là chiếc *Espero* ở Thượng-hải chạy qua Saigon. Tàu *Espero* qua đây cốt để mua sắm lương thực, cho quân lính đông và chỉ đậu tại bến Saigon trong vài ngày rồi cũng lấy neo chạy trở qua Thượng-hải nữa.

Quan Đê-đốc cai quản chiếc *Espero* là ông Corsi có hiệp cùng ông Lãnh-sự nước I-ta-li ở Saigon lên viếng quan Thống-đốc và quan Lãnh-biên hôm chiều bữa ấy.

Làm sao cho cuộc hôn-tại được vững bền,
 ấy là trách-nhiệm đương nhiên của chúng ta;
 Làm sao cho cuộc tương-lai được rực rỡ,
 ấy là hy-vọng duy nhất của chúng ta.

KIM-LAI TẠP-CHÍ

Mỗi số..... 0\$12 || 6 tháng (25 số) ... 2\$80
 3 tháng (13 số) ... 1.50 || 12 tháng (50 số) .. 5.00

Báo quán: 87 đường Gia-long, Huế. - Giấy-thép (tất): Kimlai Huc. - Giấy-nói: số 91.

Phòng Nhỏ và Trông Răng
 Ở đường LAGRANDE, môn bài số 20.
 SAIGON, 1 ÉL. 175

Ông PIERRE BLANC
 Thầy mổ xẻ và nhổ răng gốc ở Y-hiện thành Bordeaux xuất thân.
 Dưỡng bệnh đau miệng và sáu răng, nhổ răng không đau đớn.
 Có đủ thứ khí-nghệ dùng dưỡng bệnh.
 Giờ thăm bệnh: Sáng 8h. tới 11h., chiều 2h. tới 7h.

Con Nhà Giàu

(Tiếp theo)

Thượng-Tử ngồi ngẫm-nghi một hồi rồi nói rằng: « Ở đời này biết việc nào là việc hư, còn việc nào là việc nên. Có nhiều người như-nhuộc mà thiên-ha áp xưng tung, có nhiều kẻ thanh-cao mà thiên-ha lại khinh-khi. Có nhiều việc mình cho là phải, mà họ cho là bậy, thế thì dần làm việc gì, dầu chơi cách nào, hề thích chí mình thì thôi, cần gì phải dò miệng thiên-ha. Như hôm trước tôi tính chuyện giúp đỡ nhà nghèo, mà vợ tôi nó nói làm như vậy là trái đời. Anh nghĩ đó mà coi, giúp nhà nghèo mà gọi là trái đời, thì còn giống gì nữa mà nói.»

Hai vợ chồng thầy Bang-biện với cô ba Ngọc không rõ việc của Thượng-Tử đã tính, mà cũng không hiểu ý Thượng-Tử chân đời, nên nghe em nói như vậy thì cười với nhau rồi bỏ nói qua chuyện khác.

Có đám làm tuần bà con chòm xóm tụ tại đồng, thì Hương-Tử giải khuây được chút đỉnh. Chừng mần đám rồi, ai về nhà nấy, thì cậu lại buồn hiu.

Một buổi chiều, vừa lúc mặt trời chen lặn, cậu đi dạo xóm về, còn đứng ngoài cửa ngõ mà ngo móng. Mấy đám ma ở dựa lộ đã gần đúng lửa rồi, nên phơi màu xanh-lè, lại gió thổi đùa ngọn coi như sóng gợn. Xa xa thấy có một người đầu đội nón lá, vai vác cái cây, lùa cặp trâu đi trong ruộng, người vác nặng đi cang-nặng, trâu lội nước văng tủa-sua.

Người buồn mà thấy cảnh không vui thì trong lòng càng thêm buồn, bởi vậy Thượng-Tử đứng liu-liu, dạ ngậm-ngùi, trí viên-vọng. Cậu nhớ chuyện này qua chuyện nọ, rồi nhớ hôm trước chị dâu nói cậu muốn cưới vợ bé, thì cậu mĩn cười. Cưới vợ bé làm gì? Mình đã đại quá, hồi cưới vợ mình không kén chọn, chớ chi hồi đó mình lựa người như con ông Phan Hương hay

là con ông Giáo Chuột mà cưới, thì bây giờ có đâu mà buồn như vậy.

Thiệt, từ khi vợ chồng phân rẽ, Thượng-Tử chẳng hề có tính kiếm vợ bé bao giờ, mà bây giờ cậu cũng không có tính tới việc đó. Lúc cậu mèn-màn có hai Hâu thì cậu có tính để vợ rồi sẽ cưới cô. Ấy là cậu đương giận vợ, nên cậu muốn đòi vợ, chớ không phải muốn hai vợ. Bây giờ vợ cậu đã gần ngày khai hoa, mà cậu lại biết cái lỗi trước là lỗi của cậu, bởi vậy cậu không dám tính bỏ vợ nữa, thế thì cưới vợ bé sao được. Mà tuy là cậu không tính cưới vợ bé, song câu chuyện vợ bé đã chạm vào trí cậu rồi. Nếu lúc này mà có người như cô Thiên-Kim hoặc cô hai Hâu vẫn-vợ trước mắt cậu, thì cũng chưa ắt cậu giữ ven lòng son cùng vợ lớn cậu được.

Cậu đứng nghĩ quanh nghĩ quất rồi cậu vừa xây lưng sắp đi vô nhà, thì nghe có tiếng xe-hơi ở trên phía Mỹ tho chạy xuống. Cậu đứng nán lại mà ngo coi xe của ai. Cách chẳng bao lâu, cái xe-hơi gần tới thì tốp máy chạy chậm-chậm rồi ngừng ngay cửa ngõ.

Thượng-Tử dòm lại, tề ra thầy thông Hàng ngồi trước với sớp-phơ, còn phía sau thì có thông ngồi với 2 cô nữa.

Thầy thông Hàng mở cửa xe nhảy xuống và hỏi Thượng-Tử rằng: « Ê! Toa làm gì đứng đó? » Thượng-Tử bước lại đưa tay mà bắt tay thầy thông, và cúi đầu mà chào mấy cô rồi hỏi rằng: « Thầy đi đâu đấy? »

Thầy thông Hàng hàn-hoan đáp rằng: « Chiều trời tốt quá, nên mượn xe chạy bậy một vòng hứng gió chơi. Toa làm giống gì xưa rày không thấy lên chơi? »

« Tôi mắc chuyện nhà.
 Có thông ngồi trên xe vọt miệng hỏi rằng: « Bộ cậu giận vợ chồng tôi hay sao, cậu tư? Chờ sao mấy tháng nay cậu không thèm tới nhà tôi nữa? »

« Thưa, có chuyện chi đâu mà tôi giận. Tại tôi bận việc nhà chớ.

HÃY HÚT THUỐC JOB

— Thôi, chối làm chi. Tôi biết mà. Con hai Hàu nó phu tinh cậu, nó bỏ đi lấy chồng; cậu phiền nó rồi cậu phiền luôn tới vợ chồng tôi chứ gì.

— Bây giờ tôi không phiền cô hai Hàu mà tôi cũng không phiền ai hết. Tại tôi chứ có phải tại ai đâu mà tôi phiền.

— Có mợ tư ở nhà hay không?

— Thưa không, vợ tôi ở bên Ông-Văn chứ đâu có ở bên này.

— Rủi dữ hôn! Phải có mợ ở bên này, tôi ghé thăm một lần chơi cho biết. Thuở nay chớ tôi chưa biết nhà cậu. Tôi ghé chơi được hôn?

— Thưa, được chớ. Tôi mời thầy thông với mấy cô ghé chơi.

— Mà cậu sẵn lòng tiếp rước hay không? Chớ ghé mà cậu không vui thì ghé làm chi.

— Tôi sẵn lòng lắm chớ.

Có một cô nhỏ hơn hết, ngồi giữa, mặc áo xanh dương, choàng khăn sạt trắng, cô cười và hỏi rằng: « Chúng tôi ghé thì cậu phải đãi trái cây, hoặc mận, hoặc ổi, hoặc cam, hoặc giống gì đó mới được. Cậu vui lòng mà đãi chị em tôi hay không? »

Thượng-Từ cũng cười lại mà đáp rằng: « Vật quý thì thiệt tôi ở nhà quê nên tôi không có, chớ trái cây thì vườn tôi có đủ thứ, mấy cô muốn dùng thứ nào tôi cũng có sẵn mà đãi luôn. »

Thầy thông Hàng bên nói rằng: « Mấy người muốn ăn dừa khô thì vô đây rồi leo lên bẻ mà ăn. Vườn cậu tư thứ đó nhiều lắm. Ghe chớ hoai mà cũng không hết! »

Mấy cô nghe nói điều như vậy thì cười ngất rồi mở cửa leo xuống xe. Cô thông Hàng hỏi Thượng-Từ có biết hai cô kia hay không. Thượng-Từ ngó hai cô thì nhớ mảy may có gặp cô lớn bạn áo trắng một lần, còn cô nhỏ bạn áo xanh thì thiệt là không biết. Cô thông bên nói rằng: « Con lớn đây là con ba, con của di-tôi ở trong Vinh-trường. Cậu có gặp nó một lần ở trên nhà tôi, cậu quên hay sao? »

Thượng-Từ gật đầu, tỏ ý cậu nhớ. Cô thông bên chỉ cô mặc áo xanh, mà nói luôn rằng: « Còn con nhỏ đây là con tư, con ông Cũ trên Xoài-hột, nó thì đậu bằng-cấp sơ-học, có làm cô giáo vài năm, bây giờ nó xin nghỉ đặng đi kiếm chồng. »

Cô tư mặc cỡ nên vô vai cô thông một cái bẹp mà nói: « Chị quý này, khéo nói kỳ cục », rồi cô kéo tay cô ba đi vô cửa ngõ. Thượng-Từ ngó theo miệng chum-chím cười và mời khách đi vô.

Đọc theo đường đi vô sân, hai bên trồng mận

xen lộn với cam, lại có mấy cây đu-đu đứng phía sau, lá bùa sum-sê, trái đeo dây chặt. Vì không nhằm mùa, nên mận mới trở bông, cam chưa có trái. Cô tư thấy đu-đu còn thấp mà trái sai, lại có trái chín đỏ rồi mà chưa ai hái, thì cô chạy riết lại hai tay rờ-rẫm, hỏi cậu tư hái được hay không. Thượng-Từ bước lại lựa trái chín hơn hết mà hái rồi trao cho cô tư, miệng mỉm cười. Cô đưa tay lấy trái đu-đu, mắt liếc miệng cười rất hữu tình. Cô vừa cầm trái đu-đu, thì cô liền để xuống đất, rồi đưa hai tay ngay mặt Thượng-Từ mà nói chún-chón rằng: « Cậu làm mủ đu-đu vậy tay tôi đây, cậu phải chùi cho tôi. » Thượng-Từ móc túi lấy khăn mu-soa ra mà chùi tay cho cô tư. Thầy thông Hàng với hai cô kia đương trâm-trở mấy cây mận, thầy dạy lại ngó thấy Thượng-Từ đương chùi tay cho cô tư thì la lớn lên rằng: « Ê! Làm cái gì mới gặp nhau mà đã nắm tay nắm chun nhau đó? Không có được vô phép như vậy da! »

Thượng-Từ mắc cỡ, nên bỏ khăn vô túi mà đi. Cô tư lượm trái đu-đu cầm đi theo và cười và nói rằng: « Thầy đó hay la quá! Cậu tư chùi tay cho ta mà. »

Chủ khách kéo nhau vô nhà. Lúc ấy trời đã chạng-vạng tối. Thượng-Từ mời khách ngồi, kêu thằng Ngô đốt đèn, biểu thằng Lạc bưng nước lã-xăng. Cô tư quen tánh vô ngại, tới nhà lạ mà cô không ké-né chi hết, cô mượn một cái dao rồi cô xẻ trái đu-đu mời người này người kia ăn, cô mời luôn chủ nhà nữa. Không ai chịu ăn hết, cô giận cô ngồi ăn một mình và nói rằng: « Đu-đu của cậu tư hái mà họ chớ chớ. Thôi, tôi ăn một mình, vì cậu tư thương nên cậu cho tôi, tôi đại gì mà chừa cho người khác! » Cô ba thiệt-thả, nên cô nghe mấy lời lã-loi như vậy thì cô lấy khăn che miệng mà cười.

Cô tư ăn ít miếng rồi cô đòi rửa tay. Lúc ấy thằng Ngô với thằng Lạc đều không có tại đó. Cô thông Hàng bên nói rằng: « Con làm rộn quá! Muốn rửa tay thì đi ra đằng sau mà rửa, chớ nước đầu đây có. » Cô tư ngó Thượng-Từ và cười và hỏi rằng: « Đi ngã nào cậu tư? Cậu dắt giùm tôi đi một chút chớ. Nhà lạ ai biết đường đâu mà rờ. »

(Còn nữa)

HÃY HÚT THUỐC JOB

Câu Tám Lộ

(Tiếp theo)

— Vì người ấy biết rằng nói với bà thì bà có thể giữ trong một lúc, trong một khoảng thời gian ngắn ngắn mà không thể giữ mãi được; vì người ấy biết rằng đầu bà có giữ được cô Hai đi nữa, cũng chẳng qua là giữ cái phần xác của cô mà thôi, chớ không chữa được chứng bệnh lòng của cô; vì người ấy liệu rằng nếu không chữa được chứng bệnh lòng ấy thì làm cho cô càng thêm đau đớn chớ có ăn thua gì đâu.

— Vậy thì người ấy mới tính làm sao?

— Người ấy muốn tính cho hoàn toàn, nghĩa là cứu cả và phần xác và phần hồn của cô: Một là cứu cô khỏi chết, hai là chữa cho cô khỏi bệnh.

Bà Hội-đồng nghe nói thì mặt nở lần lần, bà hỏi mau rằng: « Cậu nói thật không? Nếu vậy thì con tôi còn sống sao? Người cứu con tôi là ai, xin cậu nói liền cho tôi biết để tôi tạ ơn họ. Người ấy làm sao mà chữa cho con tôi khỏi bệnh sâu tinh ấy được? »

— Tôi biết rằng cô Hai còn sống... Hiện bây giờ có lẽ người ta đang lo săn sóc cho cô... Bà không cần gì phải biết người có cứu con bà khỏi chết bây giờ làm gì, một ngày kia bà sẽ hiểu. Bà có tin lời tôi không? Nếu bà tin rằng tôi nói thật thì tôi xin bà giữ kỹ hai điều: một là bà phải chịu xa cách con bà một ít lâu, khi nào con bà lành mạnh rồi thì người ấy sẽ đưa về cho bà; hai là bà đừng nói với ai sự ấy, bà cứ nói rằng con bà đi chơi xa cũng được.

— Chuyện gì mà lại không cho tôi thăm con tôi, tôi có thể khuyên lơn nó được....

— Nếu bà muốn cho con bà lành mạnh thì bà đừng mong thấy con bà gặp... Khi nào con bà hơi khá thì sẽ viết thư về thăm bà.... Bà cứ tin vào nơi tôi... Tôi không nói sai đâu.

Bà ngồi ngẫm nghĩ một hồi rồi nói: « Nếu vậy thì tôi cũng đã đoán ra được người nào chủ-ý

cứu con tôi rồi. Tôi xin tin lời cậu... »

Thành-Trai đứng dậy kiêu bà... Bà đưa ra cửa... Thành-Trai xây lại nói: « Bà cứ yên tâm, nay mai sẽ có tin lành. »

Chàng bước lên xe... xe chạy... Bà Hội-đồng trông với theo mà miệng nói: « Người ta sao có phước quá! con như vậy thì đầu có cực khổ bao nhiêu cũng là sung sướng.... »

Gần bên cái giường đồng, một người đàn ông ngồi trên ghế mây nhìn một cô con gái đang nằm thim-thíp. Cô này nhắm mắt, sắc mặt xanh lét, tay để dãn trên ngực, nhiều sợi tóc che khuất cái trán, cô ấy chính là cô Huệ, mà người kia chính là người mặc đồ ni, người đã nhảy sông vớt cô Huệ hồi hôm, người mà ta đã quen biết tự bao giờ. Con người lúc đau, lúc mệt, lúc nửa sống nửa chết, lúc còn thờ hoi hóp, thường có cái vẻ làm cho người khác trông thấy phải kinh yêu. Cái sắc mặt xanh lét kia dường như có giấu giếm một cái vẻ xinh đẹp rất mơ màng như bóng trăng. Người ngồi yên, không dám động đậy để cho cô nằm nghĩ êm thắm. Trong khi ấy dường như cô Huệ đã thành ra một người khác rồi. Cái thân thể ấy dường như hết chịu ảnh-hưởng của ái-tình, mà tâm lòng ấy dường như đã hết hồi hóp, hết đánh thình thịch trong ngực cô nữa. Nét mặt lúc bấy giờ để dãn, không âu sầu như trước. Người ấy nhìn, miệng nói thăm: « Tôi nghiệp quá! cũng vì thương mà phải đến thế này... Nếu không ai đoán thấu ý cô thì đã ồng cho tâm thần bị gió đưa sóng dập rồi. Thành-Trai thật là một người rất tinh anh, khiến ta phải kinh phục muôn phần. »

Còn đang suy nghĩ thì cô Huệ trở mình. Cô thở dài rồi mở mắt. Cô nhìn quanh, cô thấy người ấy ngồi một bên cô thì cô toan ngồi dậy, nhưng vì mệt quá, không thể gượng nổi. Người ấy nói: « Xin cô đừng ngồi dậy làm gì cho nhọc, tội xem cô còn yếu lắm. Cô cứ nằm nghỉ. »

Cô Huệ không gượng nữa, nhưng hỏi: « Nhà này là nhà của ai và vì sao tôi lại nằm chôn này? »

HÃY HÚT THUỐC JOB

Xin ông nói cho tôi biết. Tôi tưởng tôi....»

Cô lại nhìn chung quanh, rồi nói tiếp: «Tôi tưởng tôi đã đi xa rồi không còn trở lại cõi đời nữa. Ai vớt tôi?»

Người ấy nói: «Cố đừng lấy làm lạ, đừng xao động lắm mà lại phải mang bệnh nặng. Cố cứ nằm yên. Lúc nào cô mạnh thật, cô có thể ra vào được, lúc bấy giờ tôi sẽ nói cho cô rõ vì sao mà cô đến chốn này. Tuy đây không phải lâu dài cung điện ở chốn thủy-phủ nhưng cũng có lẽ là một chốn gần như thế, vì vào đây cô đừng nên nghĩ đến những sự đã qua; cô hãy xem cái đời trước của cô chết rồi mà cô cần phải sống vào một cái đời khác. Cô thử lắng tai nghe, tư bề phẳng lặng cũ. Nhà này là của một người bạn mong cho cô lành mạnh, mong cho cô đừng rầu buồn nữa. Từ lúc nào cô vẫn không anh em, cô chỉ than thở với cảnh của Tạo-vật, bây giờ không phải thế, cô đã được một người bạn, một người đồng-bào rất hết lòng với cô. Cô đừng nghĩ ngại gì hết.»

Cô Huệ nhìn người ấy rồi nhắm mắt lại. Cô còn mệt thật. Cô muốn nói chuyện nhưng mi con mắt nặng quá, hoặc cô phải nằm bình tĩnh. Giây lâu một người đàn-bà đã có tuổi bụng một chén sữa hám lên để trên bàn nhỏ. Người ấy kêu có rằng:

«Chắc bây giờ cô đã đói lắm, cô hãy dùng chén sữa này cho đỡ mệt.»

Cô gượng nghiêng qua một bên, uống mấy muỗng sữa rồi lại nằm. Người ấy kêu người đàn-bà kia dặn rằng: «Đi ngồi đây với cô Hai. Hễ khi nào cô có cần dùng vật gì thì đi kêu tôi nghe. Tôi ra ăn cơm một chút.»

Người đàn-bà ấy dạ, ngồi xuống, thay mặt xem sóc cô Huệ; cô nhờ mấy muỗng sữa mà lần lần trong mình hơi khoẻ lại. Cô mở mắt ngó người đàn-bà rồi hỏi nhỏ nhỏ rằng: «Đi nói cho tôi biết coi nhà này là nhà của ai vậy? và đây là chốn nào?»

Người đàn-bà ấy đáp rằng: «Đây thuộc về tỉnh Giadinh, nhà này vốn của một nhà giàu nhưng đã cho người khác mượn rồi. Tôi mới đến ở nên không biết rõ hiện bây giờ chủ nhà này là ai.»

Cô Huệ nghe nói như thế thì lấy làm lạ lắm, cô hỏi nữa rằng: «Nếu vậy thì đi cũng chưa biết rõ sao? Ai đem đi đến đây?»

— Có một người ở gần tôi hỏi mượn tôi, người ấy nói rằng không làm việc gì khác hơn là đến đây để nuôi một người bệnh.

— Người hỏi mượn đi là đàn ông hay đàn bà?

— Ờn bà, người ấy tử-tế lắm; không giàu có bao nhiêu nhưng biết thương, biết giúp đỡ kẻ nghèo.

— Vậy còn ông này? Đi đã biết trước chưa?

— Chưa. Tôi đến đây đã ba bữa nay rồi. Ông chủ vừa mới đến hôm nay với cô. Tôi không biết gì hết. Cô làm tức là người mượn tôi có dặn tôi rằng: «Đi cứ trông nom nhà cửa một ít ngày rồi sẽ có ông chủ chờ người bệnh đến. Đi nên cẩn thận, lo lắng cho vừa lòng người bệnh thì ông chủ sẽ thưởng công đi. Người bệnh ấy là một vị tiểu-thơ. Đi là người biết chuyện, có lẽ đi giúp được việc.» Thế là hết, ngoài ra tôi chẳng còn biết sự gì nữa.

Cô Huệ nghe nói tên cô Tâm thì nhớ mấy may, dường như đã có nghe ai nói một lần rồi. Cô nằm suy nghĩ: «La quá! Mượn nhà đợi người bệnh ba ngày trước, nghĩa là ba ngày trước khi ta thấy sống. Sao mà họ biết được ta quyết tự-vận mà đón rước ta về đây kia. Sao ông này lại nói rằng ta nên xem những chuyện đã qua như là không có! Theo lời nói ấy thì quả là họ đã biết rõ ràng cái đời ta lắm. Sao trời lại không cho tôi chết cho rồi, để tôi sống làm gì cho thêm đau đớn vậy!

Bây giờ chắc má tôi và tất cả mọi người đều biết rằng tôi chết rồi, mà sao tôi còn sống lại đây làm gì, hỏi trời!»

Hai giọt nước mắt chảy ra trên má cô, người nuôi bệnh trông thấy lấy làm lạ, nhưng vẫn cứ an ủi rằng: «Trong mình cô còn mệt, còn yếu, cô không nên khóc lóc làm gì cho bệnh thêm nặng, ông chủ đã cho người chạy đi rước thầy-thuốc rồi, chẳng bao lâu thì về tới. Tại vì có gì mà cô lại hỏi nhà này của ai, hay là ông chủ không cho cô biết chăng? Chắc vì ông sợ cô mệt nên không muốn nói nhiều chữ gì.»

Cô lắc đầu mà rằng: «Tôi có đau gì mà phải rước thầy thuốc, chẳng qua là tôi mệt mà thôi, nằm nghỉ một lúc thì hết, chứ bệnh hoạn gì mà phải uống thuốc. Mà trong mình tôi cũng đã hơi khoẻ rồi. Khi ông chủ đến, ông có nói gì với đi không?»

— Ông nói cô mệt, bảo tôi phải lo châu chực một bên đừng đi đâu hết. Bất kỳ có muốn vật gì mà có thể làm cho cô vui được thì lập tức thưa cho ông hay, như là hễ mỗi khi có buồn thì phải tìm cách gì làm cho cô khuấy lãng.

(Còn nữa)



Mẹ ăn đồ bổ chừng nào,
Con nít nhỏ được mạnh chừng nấy.

CÙNG CÁC BÀ LÀM MẸ.

Muốn cho con nít nhỏ có máu tốt thì cho nó bú sữa tốt, mà muốn cho sữa tốt thì chỉ có một cách là người mẹ phải ăn đồ bổ. Không cần phải ăn cho nhiều, mà cần phải ăn thứ bổ. Phải nên lựa kỹ vì có nhiều món ăn ngon, song rất khó tiêu. Đồ ăn bổ dưỡng nhất, có thể ăn trong mỗi bữa thì chỉ có Phoscao. Ăn Phoscao người mẹ được khoẻ mạnh, có khoẻ mạnh thì mới có sữa tốt mà nuôi con cho mau lớn. Phoscao là thứ đồ ăn tốt nhất.

Phoscao

ĐIỀU HÒA SỰ TIÊU-HÓA KHÔNG GÌ BẰNG

Đồ ăn ngon hạng nhất Xin échantillon hăng gởi: Đồ bổ dưỡng tốt hạng nhất,

Chừng nào đứa trẻ đã lớn lên
mà sữa không đủ cho nó dùng thì phải cho nó ăn

BỘT SỮA

NESTLÉ



HIỆU

Con Chim

là một thức vật thực lành, lỏ, và dễ tiêu hóa.

Hàng NESTLÉ số 35 đường Ma-Ma'on có sách dạy nuôi dưỡng con nít bằng chữ Quốc-ngữ của Bác sĩ Vidal. — Quý bà qui có tin dĩa dùng xin hỏi tại hàng sẽ gửi không.



PHẦN NHI ĐỒNG

Đèn trường phải học

Kỳ nghỉ vừa mãn, ngày khai trường đã tới. Ấy là dịp các em phải rán làm cho tròn bổn phận một người học trò, cái bổn phận ấy là « học » và « vâng lời »...

Nếu đã cấp sách đến trường, đã mang danh học trò, mà các em không chịu học, chẳng những là trái với luật tự-nhiên của trời đất buộc mọi người phải làm việc, mà các em cũng làm cho cha rầu lo, mẹ phiền khóc nữa.

Các em có biết, lúc các em đi học, ở nhà cha mẹ lo là thế nào không? Cha mẹ các em lo cho các em còn hơn các em tự lo lấy mình nữa. Trông mong cho các em học giỏi, mau lên lớp, được thầy khen, bạn mến, cái lo ấy là cái lo hằng ngày. Buổi chiều, khi các em đi học về, đợi cho các em ngủ, cha mẹ mới lấy cặp sách vở của các em ra, lên coi bài của các em làm, coi « bon » của các em được, coi câu của các em đặt, coi chữ của thầy sửa, coi sách của các em học... nếu thấy các em được « bon » lớn, được thầy khen, lúc ấy cha mẹ sẽ nhìn các em đang nằm ngủ bằng cặp con mắt biết bao là vui vẻ...

Trái lại, nếu sách các em dở, bài các em dở, thì cha mẹ rầu buồn chi tiết. Bây giờ cha mẹ các em mới nhớ đến những đứa trẻ ở gần, đã 16, 18, 20 tuổi... đứa thì không nghề nghiệp làm ăn... đứa thì mỗi tháng không làm việc được 8 ngày... thế mà khi nó xin tiền cha mẹ để đi cờ bạc, đi ăn uống không được, nó lại la lối, đập đồ đập đạc!... Nhớ đến việc ấy, cha mẹ các em mới day mặt vào chỗ các em đang nằm ngủ rất ngon lành kia rồi cha mẹ các em mới nói: « Mỗi tháng du-côn ấy hỏi đi học nó làm biếng lắm. Tháng con của mình đây ngày sau nó cũng vậy chẳng? » Cha các em nói như vậy thì mẹ các em sẽ khóc óa!...

Không muốn thành du-côn, không muốn làm trái ý cực lòng cha mẹ, các em phải rán học, phải vâng lời thầy dạy. Đến trường, hãy nghe trống đánh thì đầu đang mắc chơi thứ gì cũng phải bỏ... khi vào lớp phải lắng lặng. Có nhiều trò xấu, thấy các em

Hình đồ Kiệu

Các em vừa thấy hình đồ này, chắc sẽ la lên là hình cũ, có đồ rồi một lần trong P. N. T. V. số 106, đồ kiếm con ngựa Truy-phong và Sở-Khanh đây chờ gì?



Phải, hình này có đồ rồi, và chắc các em đã tìm được con ngựa Truy-phong ở chàng hai cây lớn phía tay mặt, chàng Sở-Khanh ở chàng áo chỉnh tề đứng ngược đầu giữa chàng hai cây lớn phía tay trái, (chỗ có làm dấu X đó) song bao nhiêu đó đã là hết dấu. Bây giờ tôi để các em kiếm giùm mu Tú-bà, coi mu ăn núp ở đâu cho biết.

Các em hãy rán kiếm, kiếm không được kỳ báo khác tôi sẽ chỉ giùm cho.

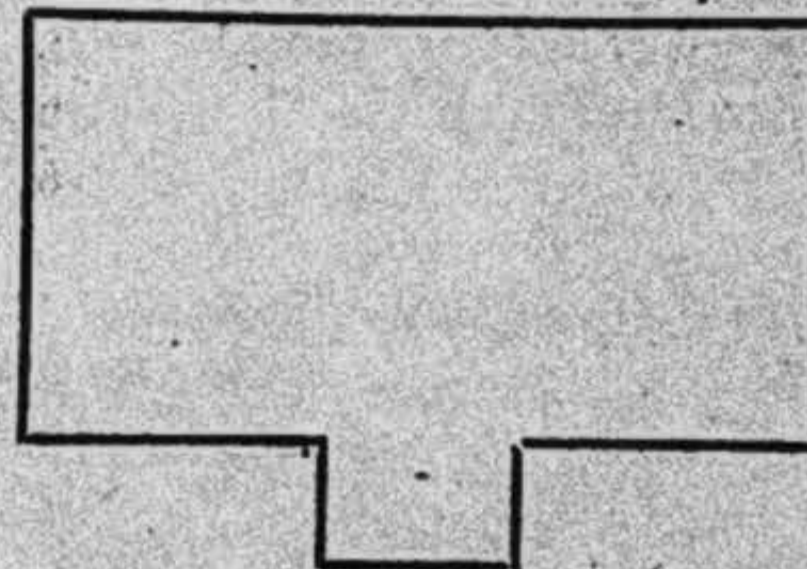
làm như vậy, nó cười, nó chê các em sao mềm như cục bột, để thầy muốn uốn nắn thứ gì cũng được. Các em cứ để mặc nó cười, nó chê, rồi ngày sau sẽ biết. Phải, các em là cục bột, thầy giáo là người thợ làm bánh, là cái khuôn, các em cứ để thong thả cho thầy vẽ vời uốn nắn.

Các em nên biết: Vua còn phải đi học, còn phải nhờ thầy dạy bảo, huống chi là mình?

GIẢI BÀI ĐỐ

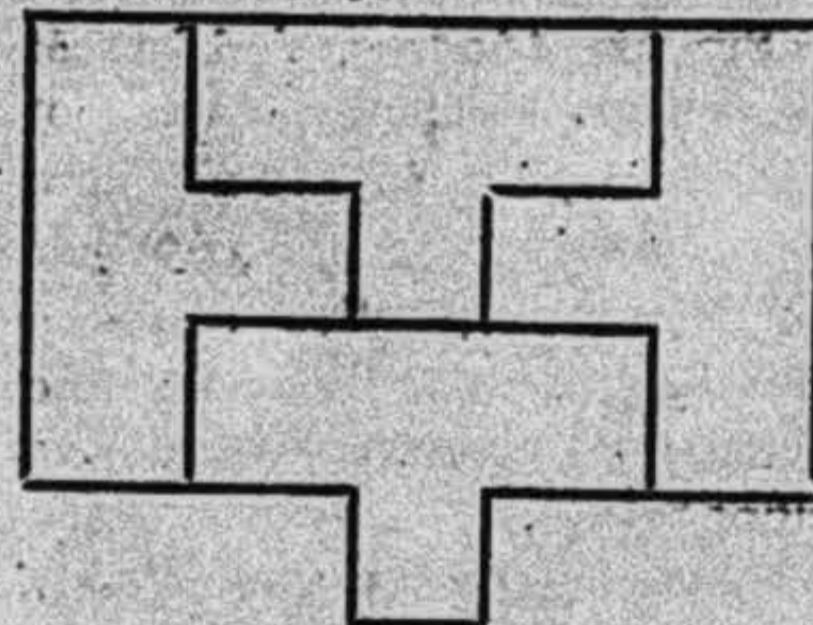
Chia ruộng

Số báo trước tôi có cậy các em chia giùm miếng ruộng như dưới đây ra làm 4 phần cho giống nhau, cho 4 anh em nhà họ.



Ruộng chưa chia

Các em đã chia giùm cho họ được chưa? Chắc có trò chia chưa được. Với trò nào chia chưa được, tôi xin chỉ giùm cách chia cho. Các trò hãy coi cái hình dưới đây:



Ruộng chia rồi

Đó, các em coi tôi chia có đồng phần không? Đã đồng phần mà trong 4 phần, phần nào cũng giống hình chữ T, giữ được dấu tích giấy ruộng lớn của cha ngày trước mới là đáng quý.

AN-TRẠCH

Tân Tiều lâm

NÓI NHỎ NHỎ

Con.— Nè cha! Con nghe thầy con nói hột xoàn bây giờ nó rẻ lắm, nó rẻ cũng như vàng vậy thôi, phải không cha?

Cha.— Ê, ề! Nói nhỏ nhỏ, đừng cho má con nghe chớ!

CHUYỆN LA TRÊN RỪNG

Con cạp

(Tiếp theo)

Người ta thường gặp cạp chết gần chỗ của nó sanh đẻ luôn. Bởi nó có tánh yếu chỗ « chôn nhau cắt rốn » như vậy, nên ban đêm, dẫu đi kiếm mồi, hay dẫu đi chơi, cũng không bao giờ nó đi xa cách chỗ nó ở quá từ 8 đến 10 ngàn thước. Những đường của nó đi đều là đường quen thuộc, và ít khi đi vào một con đường hay một bụi rậm nào mới lạ, thườ nay nó chưa hề bước cẳng tới.

Ban ngày cạp ngủ, còn ban đêm nó lại thức. Lúc ngủ nó vẫn nằm tại ổ, hang, hay chung quanh chỗ ấy mà thôi. Nó cũng như con mèo, ít khi chịu rời nhà mà đi xa lắm.

Con cạp có tánh linh và cũng khôn ngoan. Không khi nào nó đi qua một con đường rồi đi trở lại con đường ấy, ấy bởi vì nó sợ có người thấy nó đi qua, không kịp làm hại nó, nên đợi hạn nó trở về.

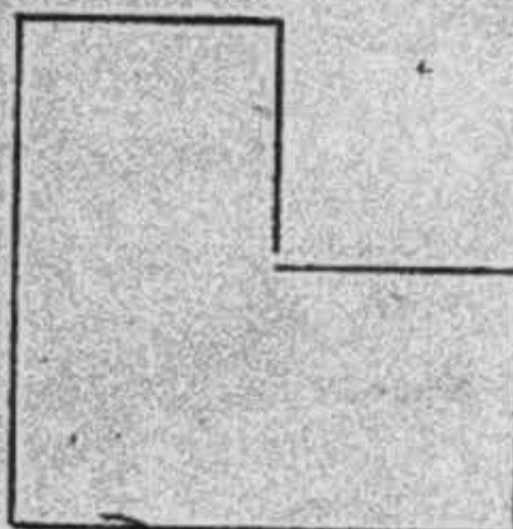
Ban đêm nó ưa đi dài theo mấy con đường mòn trong rừng, đứng nhào lẩn dưới bụi cỏ chơi, và ưa lên mây gỗ, nong để ngó thấy cho xa. Con cạp nhảy thì lẹ mà nó đi thì thật chậm. Một đêm nó đi có xa lắm thì cũng chừng lối 8.000 thước là cùng. Khi gặp mồi, nó hay lại mấy gốc cây lớn, da mềm, mà mai nhanh, vùi, và nó có tánh cần thận lắm. Khi nó thấy con chó của người ta gài bẫy nó, nó đứng nhìn hồi lâu, ngó trước trông sau coi có động tịnh gì không, trong lúc ấy nếu nó không đói bụng quá, thì nó bỏ đi chỗ khác, chớ không làm hên bao giờ.

Cạp được ở trong rừng có một mình, đợi đến mùa rụng cái, nó mới chịu đi kiếm cạp cái. Vậy mà hề khi giao-cấu với nhau rồi, thì cạp cái lại trốn mất, cạp

ĐỐ GIẢI TRÍ

Chia vườn

Một bà nghiệp-chủ kia có một miếng vườn trồng cau, dừa, chuối, như hình chữ L dưới đây:



Bà ấy có bốn người con, nay bà đã già lắm, muốn cắt miếng vườn kia ra làm bốn phần để chia cho mỗi người con một phần. Bốn người con bà cũng kỹ, họ rập nhau xin bà chia làm sao cho bốn phần đồng nhau, giống hệt nhau, như là cái hình của nó phải giống chữ L để cho còn cái dấu tích cái miếng vườn nguyên của bà khi chưa xẻ làm tư ra đó.

Bây giờ bà nghiệp-chủ họ lấy làm rối trí, không biết tính thế nào mà làm y theo lời con xin cho được, vậy các em có nhiều trò thông-minh, hãy chia giùm cho bà chút.

Được mới đi kiếm nữa, song kiếm không gặp, nói trong ít ngày, nó quên mất, rồi không đi kiếm nữa. Tuy vậy, trong lúc ấy, nếu rui tinh linh hai con lại gặp nhau, thì chúng nó lại áp nhau cắn lộn, kêu la vang rìng, đến chừng nào cạp cái thoát thân được mới thôi.

Cạp cái có chứa 4 tháng thì đẻ, mỗi năm nó đẻ một lần và mỗi lần đẻ từ 2 đến 4 con.

Năm 1897, tại mọi ở Hồn-quân (Thủ-dầu-một) có bắt được một ổ 4 con cạp con, và năm 1900 tại Xuyên-mộc, ông tây Kiềm-lâm J. Bordeneuve cũng có bắt được một ổ 3 con nữa.

(Còn tiếp)

NHI-ĐỒNG TIÊU-THUYẾT

NGƯỜI CAO LỚN VÀ THẮNG LỪN ĐÙN

(Tiếp theo và hết)

Dân lùn do theo miệng hang và các chỗ đất nẻ mà chun lên vô số. Người nào cũng có óm giầy đôi bằng gỗ như sợi tóc, còn nọc thì là những gai hường, gai quit, đồ nhỏ mọn không ra gì hết, song nhờ nhiều quá nên nó cũng thành chất.

Trong nửa giờ đồng-hồ, Kíp-Phe bị cột trói như đòn bánh tét : râu và tóc của anh ta cũng bị cột ghệt vào gốc cây lớn hết thấy.

Khi Kíp-Phe tỉnh rượu, mình mẩy rêm nhưc rất khó chịu, muốn ngồi dậy, nhưng không thể nào ngồi dậy được, nên phải nằm trơ trơ, mở cặp mắt trao trao mà coi dân lùn nó leo chạy trên mình mẩy mặt mày cũng như há tánh cúng chùa, leo lên đốc núi vậy.

Bấy giờ lãnh-tu Ruồi mới leo lên cầm Kíp-Phe đứng chống uạnh hai quai, lấy ba-ton đập mạnh trên lỗ mũi Kíp-Phe và la lớn :

— Kíp-Phe ! Vì mấy thùng rượu mà bây giờ anh là người tù của chúng tôi rồi đó thấy chưa ? Anh hãy làm ! Anh nghe lời Bích-Can lại đây quyết đập đổ nhà cửa và giết sạch chúng tôi, nhưng sao anh lại ham uống rượu cho mac kè của chúng tôi như vậy ? Bây giờ chúng tôi muốn trả thù anh cách gì tưởng cũng được ; nhưng mà không, chúng tôi bao giờ cũng ưa sự hòa bình, chứ không ham đồ máu. Anh chịu giao-hòa với tụi dân lùn này không ?

— Chúng bay muốn giao hòa cách nào ?

— Anh phải lấy danh-dự của anh mà thề với chúng tôi rằng từ đây anh không hiệp đáp chúng tôi, mà trái lại, anh còn bình vực che chở cho chúng tôi nữa.

— Ừ, tao chịu thề như vậy. Bây hãy tháo giầy mở trói cho tao đi.

Dân lùn mừng lắm, lật đật undo nọc mỡ giầy, Kíp Phe ngồi dậy, vung vai một cái làm cho cây cối gần bên đều lung lay cả. Từ đó, Kíp-Phe đối-đãi với dân lùn tử-tử lắm.

Tội nghiệp cho Bích-Can. khi hay tin ấy thì rụng rời kinh-hãi, sợ chết không biết chừng nào, song nhờ vợ của anh ta đi năn nỉ với các tiểu-tiên-cò nhờ các vị nói giùm với Ruồi tha tội cho Bích-Can, và muốn cho Ruồi vui lòng, các tiểu-tiên-cò liền may cho Ruồi một bộ đồ thật khéo, thật tốt bằng cánh của con chuồn-chuồn.

Mlle LONG-QUANG, dịch

MẮC ĐIỂM

Con. — Tôi đồ cha vậy chớ một cây cam kia, trong 3 tháng nó sanh được 100 trái, vậy trong một năm nó sanh được bao nhiêu trái ?

Cha. — 400 trái chớ mầy.

Còn. — Trật rồi ! Thuở nay cha thấy thứ cam gì một năm mà sanh trái 4 lần hay không ?

CÓ ÍCH GÌ

Cái thắng đó ?

Giờ chơi, học trò ngồi vây chung quanh mấy người bán bánh để mua ăn, mỗi trò một vài cái. Trò Tùng, con nhà giàu, ăn to cháo lòng chưa hết, đã kêu thêm tô bi bún. Trái với trò Tùng, trò Mai, con nhà nghèo, không có lấy một đồng su ăn bánh, nên ngồi dựa vách tường, cầm sách đọc nho nhỏ.

Ngày nào cũng như ngày nấy, anh em ăn bánh, anh em bao nhau, chớ trò Mai thì tuyệt nhiên không léo chơn lại chỗ bán bánh, không mua ăn, cũng không bao ai hết. Học trò thấy vậy chế cười, chọc ghẹo, duy có trò Tùng là đề ý tới trò Mai, thôi.

Bữa kia, Tùng mua hai ba cái bánh đem lại cho trò Mai một cái. Mai lấy ăn mà liếc mắt dòm lên anh em dường như có ý mắc cỡ. Học trò rập nhau cười, có đứa kéo trò Tùng đi và nói : « Cho thắng đó ăn bánh làm gì cho uống ! »

Chiều bữa ấy đi học về, trò Mai đi sau hết. Thình lình có một con chó điên rượt cắn trò Tùng, dám học trò sợ bỏ chạy hết, làm cho trò Tùng linh-quính chắc là mạng hại. Ai dè, trò Mai thấy vậy, chụp một khúc cây lớn, xốc lại đập ngay đầu con chó, con chó nhào lộn, rồi chạy mất, trò Tùng mới khỏi mang hại. Bây giờ học trò mới xúm lại khen trò Mai can đảm, có trí, nhưng anh em nói chi thì nói, trò Mai vẫn mím-mím cười.

Từ đó Tùng thân thiết với Mai, không khi nào rời nhau, mà đến cuối năm cả hai đều được lên lớp một lượt.

VĂN-BÁ

Phòng Trưng Ràng
BÀ HAMON - CORBINEAU
Y-khoa đại-học Paris
Cách kim-thời không đau đớn 164 rue Pellerin
Làm răng vàng Têl. n° 914.
Giá rẻ.

Bán bột xoàn có tiếng đã 20 năm nay.
XIN QUI BÀ QUI CÓ CHIÊU CÒ
O. M. IBRAHIM & Co
44, Rue Catinat 44.
SAIGON

THUỐC MỚI ! THUỐC MỚI !
NÊN BỎ Á-PHIỆN
Bằng thuốc Giới-yên đại-bổ hiệu CON Ó của nhà thuốc
BÀ-NGỌC-DƯƠNG
Bổn-đường chuyên môn bán ròng thuốc bỏ Á-phiện gần 10 năm nay. Khắp Đông-Pháp đều nghe danh thuốc Nguyễn-hòa-Liên hay đại tài.
Vi muốn cho vừa lòng mỗi người, nên Bổn-đường tận tâm bào, chế riêng một thứ thuốc thiệt mạnh mà chất thuốc lại mát mẽ vô cùng. Để riêng cho các xệ nóng như Nam-kỳ, Trung-kỳ và Caomên dùng thì bỏ được rất dễ, ít tốn tiền. Hút thuốc không mỗi ngày 1\$00 thì lớn 6 ve đủ bỏ.
Mỗi ve 70 viên 1\$00— Ve 35 viên 0\$50
Người hút lớn hay hút nhya mỗi ngày trên 3\$00 thì uống thứ thiệt mạnh ve 70 viên 1\$20 càng tốt. Ở xa gửi cách « Lãnh hóa giao ngân ».
Thơ và mandat gửi cho : M. NGUYỄN-HÒA-LIÊN
Pharmacie
246 Rue d'Espagne, 246 Saigon

HÃY HÚT THUỐC JOB

BÈN HIỆU
COLEMAN
LÀ ĐÈN TỐT
HANG NHỨT
HỞI Ở HÀNG
L'UNION COMMERCIALE
Indochine & Annam
34 - Boulevard Charner
SAIGON

Rồng ra đời
Rồng ra đời thì trời mưa, mà hề trời mưa thì có áo mưa hiệu The Dragon cũng ra đời.
Qui ông muốn sắm áo mưa thứ thiệt tốt nhất mà giá rẻ thì chỉ có kiếm thứ hiệu The Dragon là được vừa ý. Xin coi cho kỹ và nài cho có nhãn hiệu The Dragon bằng satin thêu chữ vàng đính sau bầu áo.



Thưa các bà,
Nếu như một các bà có mắt đỏ, có mắt, da mặt có rằn, nước da vàng và có mồ hôi rịn ; tóc rụng, lông mày mất không dày ; mắt không sáng nữa v... v...
Muốn trị những chứng đó, thì xin các bà dùng phông đầu phân của Viện Mỹ-Nghĩa « KEVA » chế ra.
Khiến bà đã dùng thử, đều làm chứng cho là thần hiệu. Tới xem không phải trả tiền. Ai xin catalogue, sẽ gửi cho, không lấy tiền.

Mme Courrier
Viện Mỹ-Nghĩa KEVA
40, rue Chasseloup-Laubat Saigon. Téléphone 753.
Le Directeur Gérant : NGUYỄN ĐỨC NHUẬN